BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

KINH TẾ HỌC VĨ MÔ NÂNG CAO

Biên soạn: GVC.TS. Đào Quyết Thắng

Khoa Kinh tế & Kế toán

Chương 1: Ôn tập Kinh tế vĩ mô

Tổng sản phẩm trong nước GDP (Gross domestic product)

Định nghĩa: Tổng sản phẩm trong nước (tổng sản phẩm quốc nội- GDP) là tổng giá trị thị trường của tất cả hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trong phạm vi một nước trong một thời kỳ nhất định (thường là một năm)

Tổng sản phẩm trong nước GDP

*** Mục đích đo lường**:

- Cung cấp dữ liệu cho phân tích kinh tế vĩ mô
- Cung cấp thông tin cho việc đánh giá chính sách kinh tế
- Cung cấp các chỉ tiêu cho việc kiểm tra các quá trình kinh tế
- So sánh quốc tế

Tổng sản phẩm trong nước GDP

✖Chú ý khi tính GDP

- Chỉ tính hàng hóa cuối cùng (hàng hóa đáp ứng nhu cầu sử dụng cuối cùng) không tính hàng hóa trung gian (hàng hóa làm đầu vào cho các hàng hóa khác)
- Không tính những hàng hóa không đưa ra giao dịch trên thị trường (hàng hóa tự sản xuất và tiêu dùng, công việc nội trợ, tự sửa chữa nhà ở….)
- Không tính các hoạt động không sản xuất (Thanh tóan chuyển tiền, các giao dịch bằng tiền về chứng khoán, tiền bán các hàng hóa cũ)

Tổng sản phẩm trong nước GDP

- **Các loại giá dùng để tính GDP**

- *Giá hiện hành*: Là mức giá của năm hiện hành (năm tính GDP). Tính GDP theo giá hiện hành ta có chỉ tiêu GDP danh nghĩa

- *Giá cố định*: Là giá năm gốc (năm có nền kinh tế tương đối ổn định nhất đươc chọn làm năm gốc).Tính GDP theo giá cố định ta đươc chỉ tiêu GDP thực tế.

+ *Giá thị trường*: Là giá bán sản phẩm trên thị trường

+ *Giá các yếu tố sản xuất*: là giá tính theo chi phí các yếu tố sản xuất được sử dụng để tạo ra sản phẩm (giá đã loại trừ thuế gián thu)

SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN THU NHẬP CHI TIÊU TRONG NỀN KINH TẾ MỞ

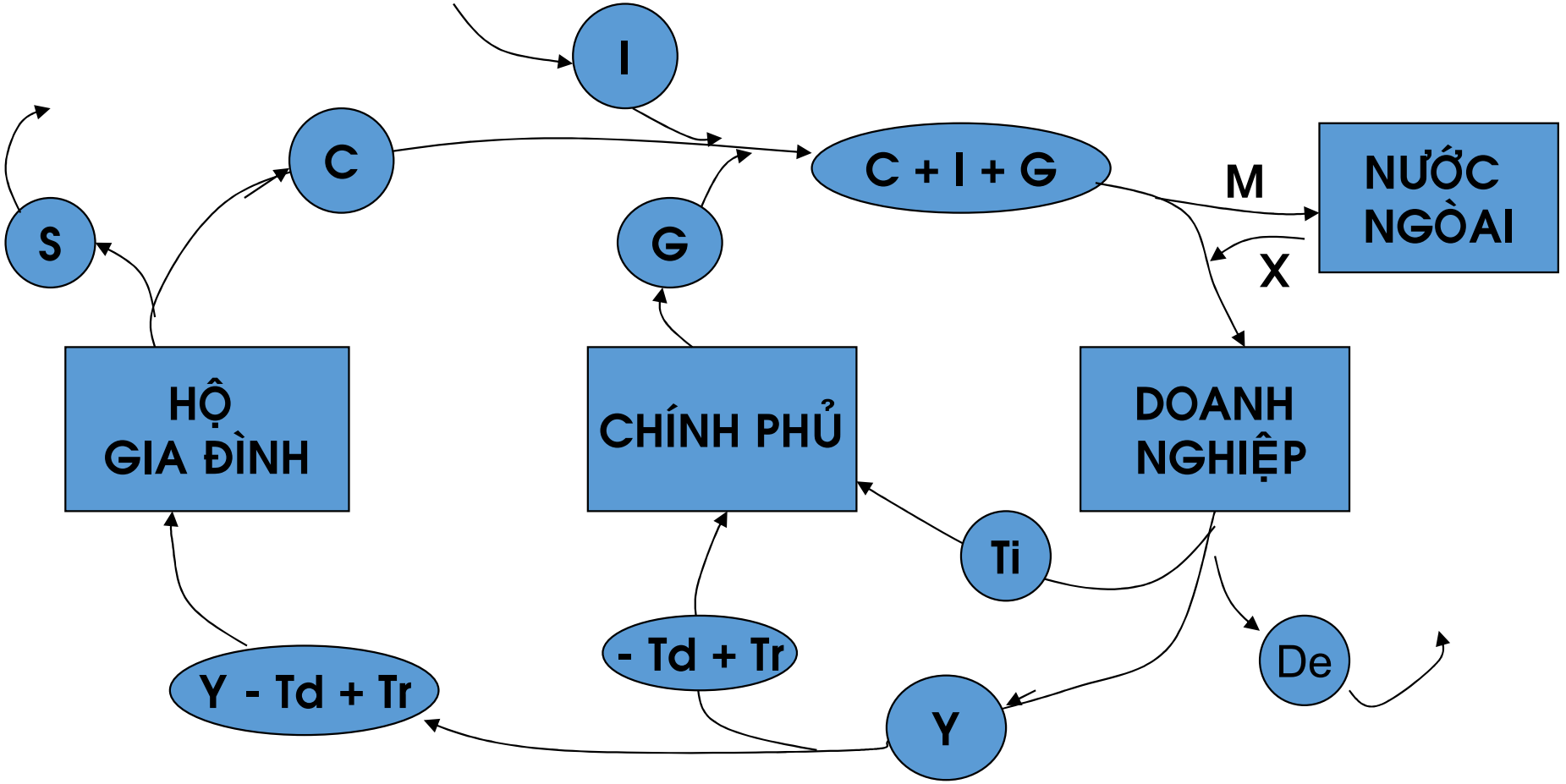

⇒ **Ba phương pháp tính GDP trong nền kinh tế mở:**

$GDP_{MP} = C + I + G + X - M$ (PP. Chi tiêu)

$GDP_{MP} = \sum VA_i$ (PP. Sản xuất)

$GDP_{MP} = R + W + i + Pr + De + Ti$ (PP.Thu nhập)

Tổng sản phẩm trong nước GDP

- **Cách tính:**

Có ba phương pháp tính GDP theo giá thị trường

a, *Phương pháp chi tiêu*: phương pháp này dựa trên thông tin về các khoản chi tiêu mua hàng hóa dịch vụ của các chủ thể kinh tế.

GDP = C + I + G + X – M

C: tiêu dùng hộ gia đình G: chi tiêu chính phủ

I : chi tiêu đầu tư (bao gồm khấu hao và đầu tư ròng)

X – M: xuất khẩu ròng

Tổng sản phẩm trong nước GDP

b, *Phương pháp thu nhập*

Phương pháp này dựa trên thông tin về các khoản thu nhập được hình thành trong quá trình phân phối kết quả sản xuất

$$GDP = R + W + i + Pr + De + Ti$$

c, Phương pháp sản xuất

Phương pháp này dựa trên thông tin về các khoản giá trị tăng thêm sau quá trình sản xuất của doanh nghiệp

$$GDPMP = \sum VAi$$

GDP thực và GDP danh nghĩa

- GDP thực là GDP tính theo giá cố định

GDPr = $\sum p_0.Qti$

Trong đó: p_0 là mức giá năm gốc

Pt là mức giá năm t

GDP danh nghĩa là GDP tính theo giá hiện hành

GDPnt = $\sum pt.Qti$

- Tính tốc độ tăng trưởng kinh tế:

$$g = \frac{GDPrt - GDPr(t-1)}{GDPr(t-1)} x100\%$$

Trong đó: GDPrt là GDP nămt

GDPr (t-1) là GDP năm trước

Một số vấn đề liên quan đến GDP

- Trên thực tế, một khối lượng lớn GDP giúp chúng ta có được cuộc sống tốt đẹp tuy nhiên đó không phải là chỉ tiêu hoàn hảo về phúc lợi. GDP không tính đến thời gian nghỉ ngơi, bỏ qua hầu hết các hoạt động bên ngoài thị trường. GDP còn bỏ qua một thứ khác đó là chất lượng môi trường và nó cũng không đề cập đến phân phối thu nhập. Vì vậy người ta bổ sung một chỉ tiêu phản ảnh phúc lợi xã hội, đó là:

NEW (Net Economic Welfare : phúc lợi kinh tế ròng)

NEW = GDP + Những giá trị cái lợi chưa tính – Những giá trị cái hại chưa trừ

Chỉ số điều chỉnh GDP

- Chỉ số điều chỉnh GDP đo lường mức giá trung bình của tất cả mọi hàng hóa và dịch vụ được tính vào GDP.

Chúng ta có công thức tính :

$$D'_{GDP} = \frac{GDP^t_n}{GDP^t_r} \times 100$$

Trong đó GDP^t_n , GDP^t_r lần lượt là GDP danh nghĩa và GDP thực tế trong năm t.

Đo lường chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

- Chỉ số giá tiêu dùng đo lường mức giá trung bình của giỏ hàng hóa và dịch vụ mà một người tiêu dùng điển hình mua.
- Cách xác định CPI

  + Chọn năm cơ sở và xác định giỏ hàng hóa tính CPI

  + Xác định giá của từng mặt hàng

  + Tính chi phí mua giỏ hàng theo giá thay đổi ở các năm

  + Tính CPI qua các năm theo công thức:

$$CPI^t = \frac{\sum P^t Q^0}{\sum P^0 Q^0} \text{x } 100\%$$

Rổ hàng để tính CPI tại Việt Nam năm 2015-2020

Mã	Các nhóm hàng và dịch vụ	Quyền số (%)
C	Tổng chi cho tiêu dùng cuối cùng	**100,00**
01	I- Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	36,12
011	*1. Lương thực*	*4,46*
012	*2. Thực phẩm*	*22,60*
013	*3. Ăn uống ngoài gia đình*	*9,06*
02	II. Đồ uống và thuốc lá,	3,59
03	III- May mặc, mũ nón, giầy dép	6,37
04	IV- Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	15,73
05	V- Thiết bị và đồ dùng gia đình	7,31
06	VI- Thuốc và dịch vụ y tế	5,04
063	*Dịch vụ y tế*	*3,87*
07	VII- Giao thông	9,37
08	VIII- Bưu chính viễn thông	2,89
09	IX- Giáo dục	5,99
092	*Dịch vụ giáo dục*	*5,16*
10	X- Văn hoá, giải trí và du lịch	4,29
11	XI- Hàng hoá và dịch vụ khác	3,30

Nguồn: Tổng cục thống kê

Công thức tính CPI trong thực tế

$$I^{t\to 0} = \prod_{i=1}^{n}\left(\frac{P_t^i}{P_0^i}\right)^{w^i} = \frac{\prod_{i=1}^{n}(P_t^i)^{w^i}}{\prod_{i=1}^{n}(P_0^i)^{w^i}} \quad (1)$$

Trong đó: $I^{t\to 0}$ Chỉ số giá tiêu dùng kỳ báo cáo t so với kỳ gốc cố định 0;

P_t Giá tiêu dùng kỳ báo cáo t;

P_0 Giá tiêu dùng kỳ gốc 0;

n Số lượng mặt hàng;

Quyền số cố định kỳ gốc

$$W^i = \frac{p_i^0 q_i^0}{\sum_{i=1}^{n} p_i^0 q_i^0}$$

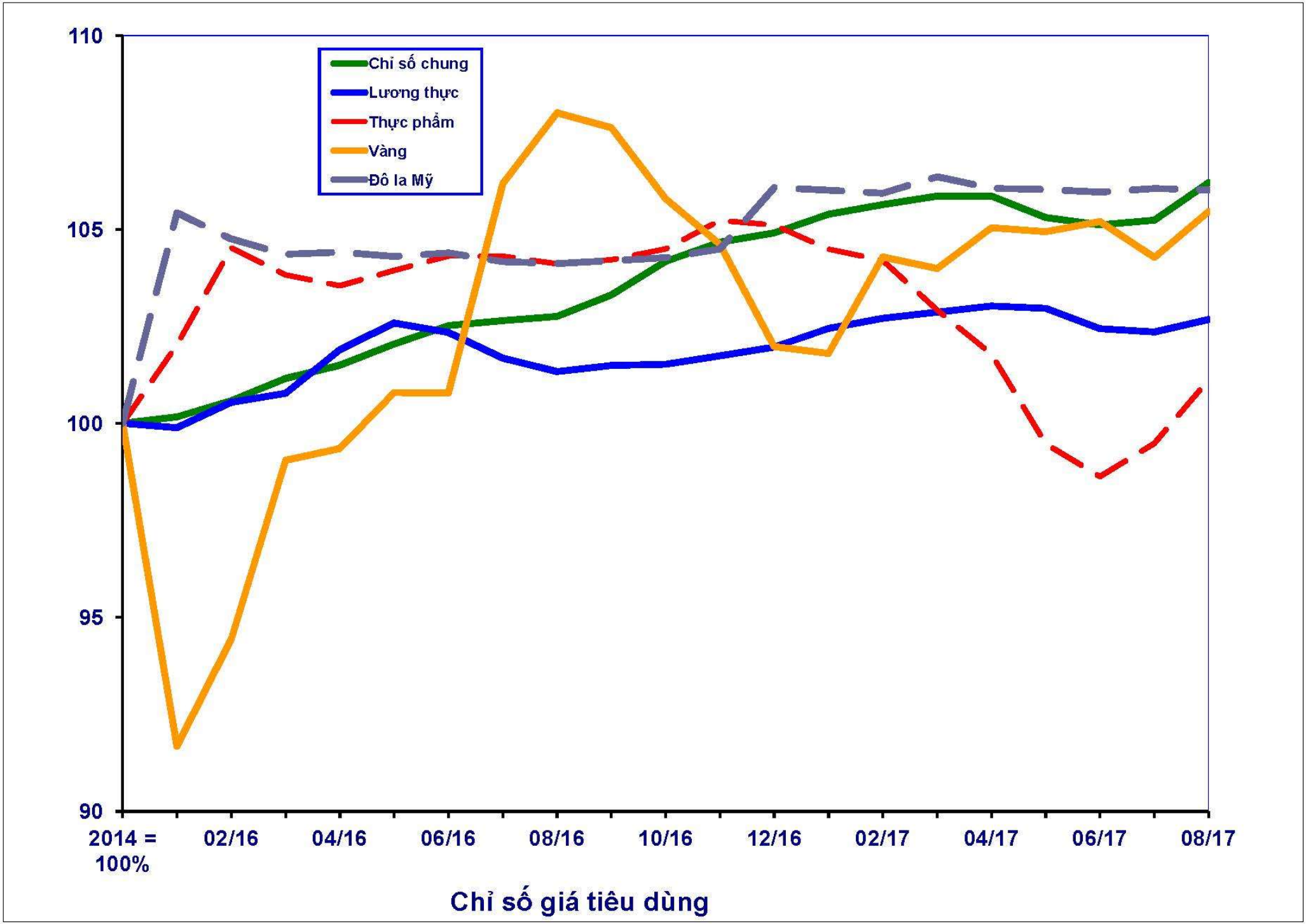

Chỉ số giá tiêu dùng

Một số vấn đề phát sinh khi đo lường CPI

CPI được dùng để đo lường mức độ lạm phát, tuy nhiên nó chưa phải là thước đo hoàn hảo do có sự sai lệch.

Có ba nguồn tạo ra sai lệch trong CPI:

+ Lệch bổ sung: Khi xuất hiện một số hàng hóa mới thì hàng hóa này chưa được đưa vào giỏ hàng để tính CPI, do CPI được tính trên giỏ hàng cố định tại năm gốc

+ Lệch thay thế: Khi người tiêu dùng thay thế mặt hàng này bằng mặt hàng khác trong giỏ hàng, điều này cũng không được phản ánh trong CPI

+ Lệch do chất lượng thay đổi: Khi chất lượng hàng hóa thay đổi thì giá bán tăng lên, nhưng sự tăng giá này không phải là lạm phát và trong tính toán CPI cũng không thể hiện được điều này

So sánh giữa D_{GDP} và CPI

- **Giống nhau**:

  + Đều đo lường mức giá chung của nền kinh tế

  + Chúng ta có thể sử dụng hai chỉ số này để tính tỷ lệ lạm phát

- **Khác nhau**:

  + D_{GDP} đo lường mức giá trung bình của toàn bộ hảng hóa còn CPI chỉ đo mức giá trung bình của những hàng hóa có trong giỏ hàng hóa.

  + Nhóm hàng hóa, dịch vụ dùng để tính CPI không thay đổi qua các năm (thường sau 5 năm mới thay đổi) trong khi hàng hóa dịch vụ dùng để tính D_{GDP} thì thay đổi thường xuyên

GNP

Tổng sản phẩm quốc dân (GNP) là tổng giá trị thị trường của tất cả các hàng hóa dịch vụ cuối cùng do công dân một nước sản xuất ra trong một thời gian nhất định

- GNP = GDP + NIA

  NIA (Net property income from abroad) : Thu nhập tài sản ròng từ nước ngoài

  NIA = Thu nhập tài sản của người trong nước từ nước ngoài chuyển vào. – Thu nhập tài sản của người nước ngoài từ trong nước chuyển ra.

Chương 2 Mô hình tổng cầu và tổng cung

I Tổng cầu:

1. Khái niệm: Tổng cầu là tổng sản lượng trong nước mà các tác nhân kinh tế sẵn sàng và có khả năng mua tại mỗi mức giá.

2. Các thành tố của tổng cầu:

$AD = C + I + G + X - IM$

Trong đó C: Tiêu dùng hộ gia đình

I: Đầu tư

G: Chi tiêu chính phủ

X: Xuất khẩu, IM: Nhập khẩu

Đường tổng cầu (AD)

3. Đường tổng cầu (AD)

Đường tổng cầu thể hiện quan hệ giữa tổng cầu (AD) với mức giá (P):

Các nhân tố khác không đổi: AD = Y = f(P) được biểu diễn như sau:

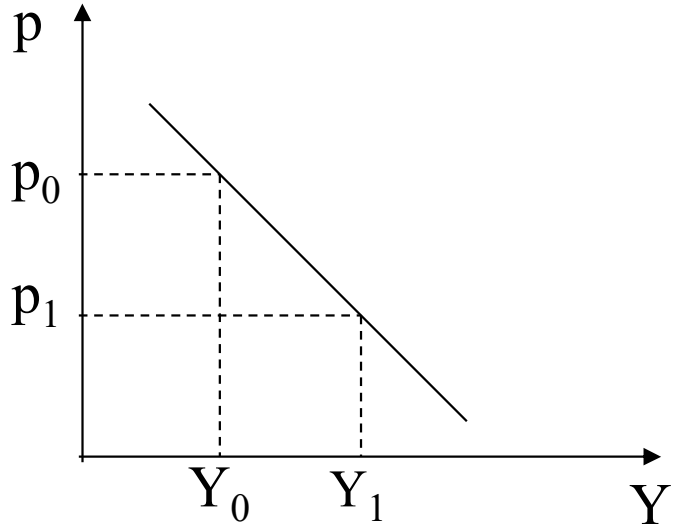

Đường tổng cầu (AD)

Tại sao AD lại dốc xuống?

+ Hiệu ứng của cải

+ Hiệu ứng lãi suất

+ Hiệu ứng tỷ giá hối đoái

4. Di chuyển và dịch chuyển:

Di chuyển là trượt dọc trên đường nhất định. Ví dụ khi giá thay đổi làm cho lượng tổng cầu thay đổi

Dịch chuyển đề cập đến hiện tượng thay đổi vị trí của một đường. Những yếu tố ngoài mức giá làm ảnh hưởng đến tổng cầu thì sẽ làm cho đường tổng cầu dịch chuyển: Sự thay đổi trong tiêu dùng, thay đổi đầu tư, thay đổi trong chi tiêu chính phủ và thay đổi trong Xuất khẩu ròng

II Tổng cung (AS)

I Tổng cung (AS)

1. Khái niệm: Tổng cung của một nền kinh tế là mức sản lượng mà các doanh nghiệp sẵn sàng và có khả năng sản xuất và cung ứng tại mỗi mức giá.

2. Các nhân tố ảnh hưởng đến tổng cung:

Lao động, tư bản, công nghệ và các đầu vào khác

3. Đường tổng cung

Đường tổng cung trong ngắn hạn: Dốc lên, tại sao?

Đường tổng cung trong dài hạn: Thẳng đứng, tại sao?

Đường tổng cung dài hạn biểu diễn mức sản lượng tạo ra khi các nguồn lực được sử dụng đầy đủ

Tổng cung (AS)

Đường tổng cung trong ngắn hạn và dài hạn được biểu diễn như sau:

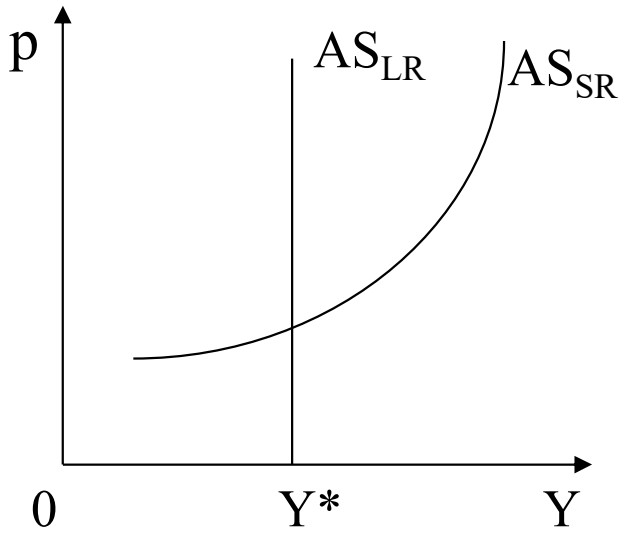

Tổng cung (AS)

4. Di chuyển và dịch chuyển

Sự thay đổi mức giá làm lượng tổng cung thay đổi, di chuyển trên đường tổng cung

Các yếu tố làm dịch chuyển đường tổng cung dài hạn:

Lao động, tư bản, tài nguyên thiên nhiên, công nghệ

Các yếu tố trên cũng làm dịch chuyển đường tổng cung ngắn hạn, tuy nhiên đường tổng cung ngắn hạn cũng phụ thuộc vào giá các nhân tố sản xuất, mức giá dự kiến. Khi giá các nhân tố sản xuất hoặc mức giá dự kiến thay đổi sẽ làm đường tổng cung ngắn hạn dịch chuyển

Xác định sản lượng và mức giá cân bằng

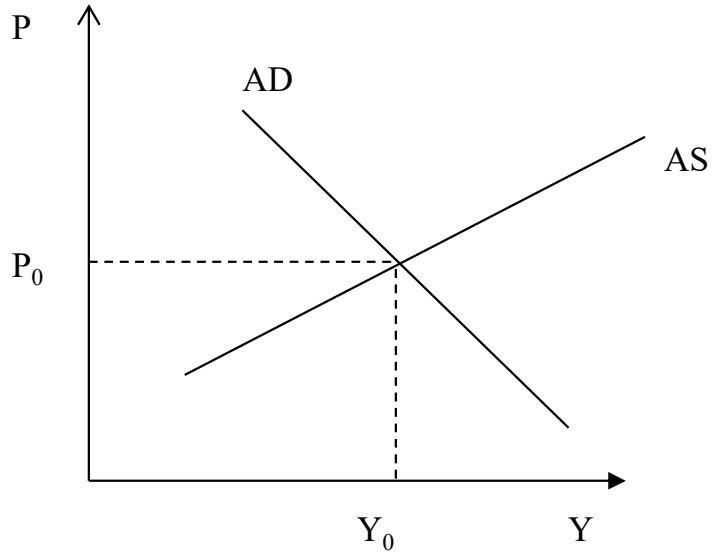

- Giao điểm giữa đường tổng cung và tổng cầu chúng ta sẽ xác định được sản lượng và mức giá cân bằng
- Trên hình vẽ mức giá cân bằng là P_0 và sản lượng cân bằng là Y_0

Các trạng thái cân bằng của nền kinh tế

- Trạng thái tối ưu: $Y_0 = Y^*$
- Trạng thái "nền kinh tế nóng" $Y_0 > Y^*$
- Trạng thái nền kinh tế suy thoái: $Y_0 < Y^*$

Trong đó Y* là mức sản lượng tiềm năng (sản lượng tự nhiên – AS_{LR}) là mức sản lượng được tạo ra khi các nguồn lực được sử dụng đầy đủ, tại mức thất nghiệp tự nhiên.

Biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn

1. Cú sốc cầu:

Cú sốc cầu tăng: Xảy ra khi các nhân tố làm cho đường tổng cầu dịch chuyển sang bên phải ví dụ các hộ gia đình tăng chi tiêu, chính phủ tăng chi tiêu, xuất khẩu nhiều hơn, đầu tư tăng v.v…Khi cú sốc cầu tăng xảy ra làm sản lượng cân bằng tăng Từ Y* lên Y_1 và mức giá cũng tăng từ P_0 lên P_1, nền kinh tế phát triển quá nóng, lạm phát tăng cao.

Cú sốc cầu giảm: Xảy ra khi các nhân tố làm cho đường tổng cầu dịch chuyển sang bên trái. Khi đó sản lượng giảm($Y^* \rightarrow Y_2$) và mức giá cũng giảm ($P_0 \rightarrow P_2$) nền kinh tế rơi vào suy thoái, các doanh nghiệp cắt giảm việc làm, thất nghiệp tăng cao

Biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn

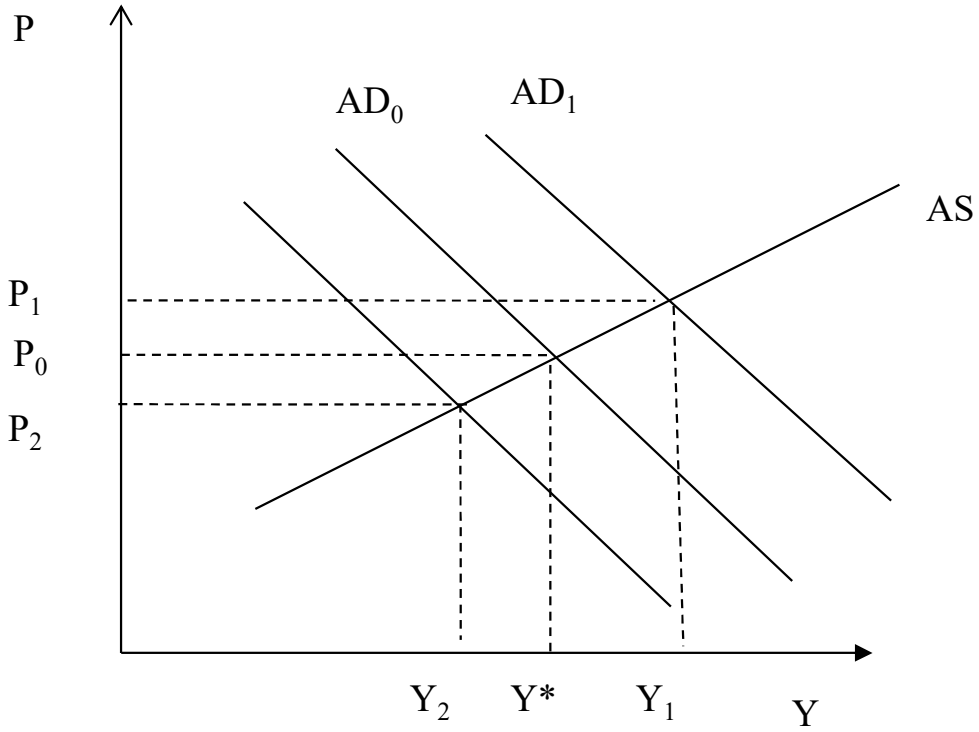

Biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn

2. Cú sốc cung

Cú sốc cung bất lợi: Là các cú sốc làm giảm tổng cung. Khi đó sản lượng sẽ giảm ($Y^* \rightarrow Y_1$) và giá tăng ($P_0 \rightarrow P_1$) hiện tượng này gọi là lạm phát kèm suy thoái. Các nhà hoạch định chính sách nên làm gì? Nếu chấp nhận mức giá như cũ thì sẽ cắt giảm tổng cầu, sản lượng sẽ giảm tiếp, nếu muốn mức sản lượng như cũ thì sẽ tăng tổng cầu, lúc này mức giá sẽ tăng cao.

Cú sốc cung có lợi: Những tác động làm tăng tổng cung gọi là cú sốc cung có lợi, sản lượng tăng cao và mức giá giảm

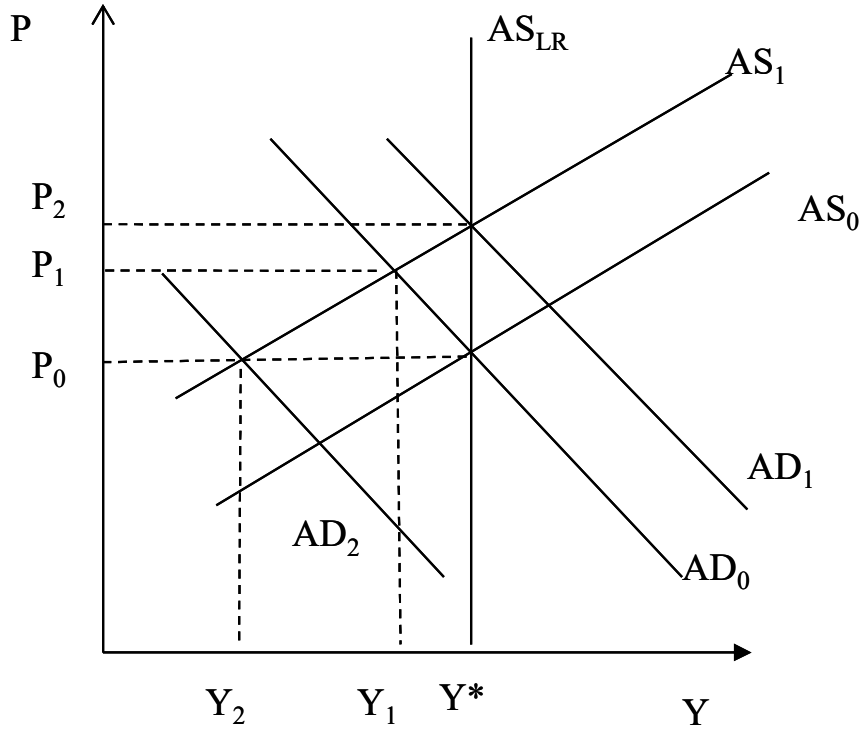
P
AS_{LR}
AS_1
AS_0
P_2
P_1
P_0
AD_1
AD_2
AD_0
Y_2
Y_1
Y*
Y

Biến động của nền kinh tế trong dài hạn

- Cú sốc cầu tăng: Trong dài hạn khi các nhà quản lý không can thiệp, sản lượng sẽ trở về mức tiềm năng và giá ca tăng lên. Giải thích?
- Cú sốc cầu giảm: Trong dài hạn khi các nhà quản lý không can thiệp, sản lượng sẽ trở về mức tiềm năng và giá cả giảm xuống. Giải thích?
- Cú sốc cung: Sản lượng và mức giá trở về mức tiềm năng ban đầu. Giải thích?

CHƯƠNG 3: TỔNG CẦU TRONG NỀN KINH TẾ ĐÓNG

Đường IS và thị trường hàng hóa

Cân bằng trên thị trường hàng hóa

$Y = C + I + G$ (1)

Trong đó:

$C = a + MPC \cdot Yd$, $I = I(r)$, $G = G_0$

Từ phương trình (1) chúng ta có:

$I = Y - C - G$

$I = Y - T - C + T - G$ (2)

Vế trái của phương trình (2) là đầu tư tức cầu về vốn vay

Vế phải là tiết kiệm quốc dân (s) là cung vốn vay, trong đó $Y - T - C$ là tiết kiệm tư nhân (s_p) và $T - G$ là tiết kiệm chính phủ (s_g).

Ta thấy $s = s_p + s_g$

Mô hình giao điểm Keynes

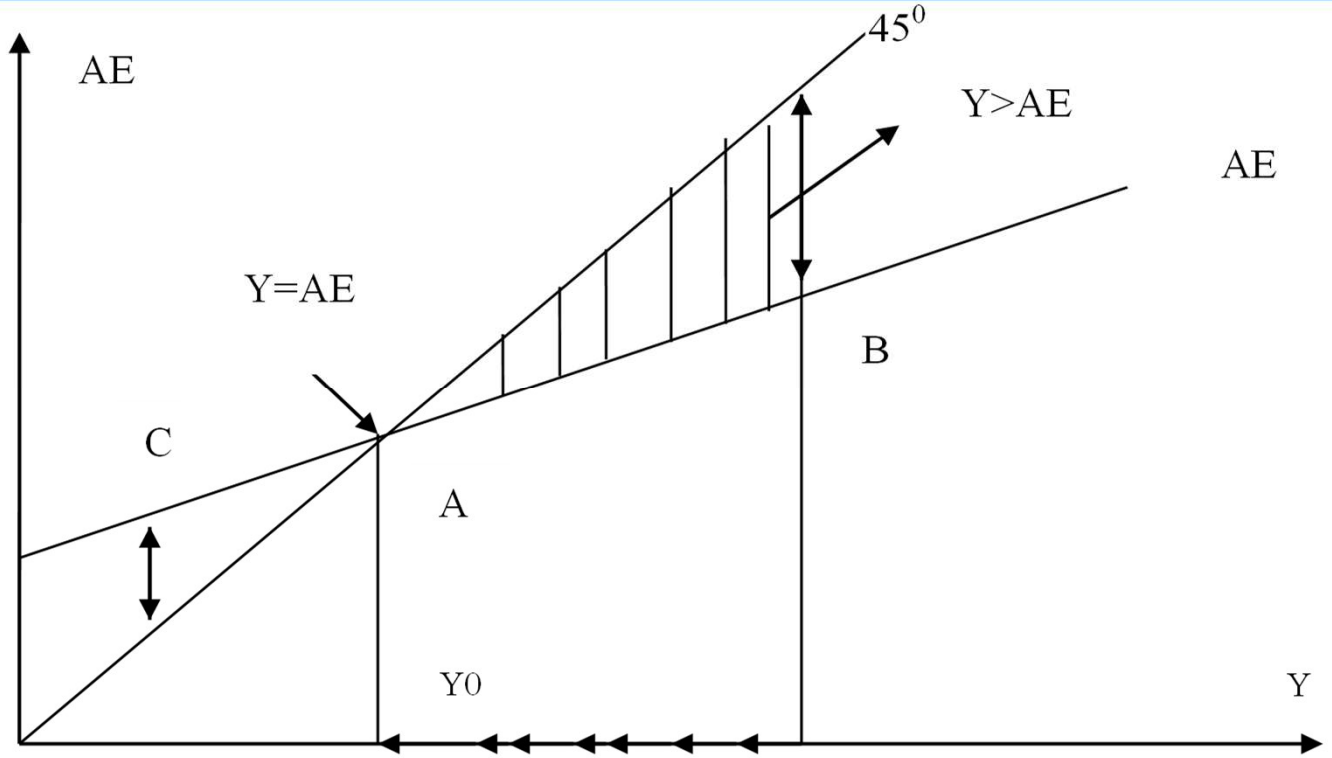

Nếu Y > AE, hàng tồn kho tăng cao hơn so với kế hoạch, các doanh nghiệp giảm sản xuất -> giảm sản lượng về Y_0

Nếu Y < AE, hàng tồn kho giảm so với kế hoạch, các doanh nghiệp tăng sản xuất -> tăng sản lượng lên Y_0

Cách xây dựng đường IS

Đường IS là tập hợp các phối hợp giữa lãi suất và thu nhập (sản lượng) mà thị trường hàng hóa cân bằng

Cách xây dựng đường IS

Với lãi suất r_1 ta xác định được đầu tư I_1 và xác định hàm chi tiêu AE_1 thị trường hàng hóa cân bằng tại mức sản lượng Y_1

Với lãi suất r_2 ta xác định được đầu tư I_2 và xác định hàm chi tiêu AE_2 thị trường hàng hóa cân bằng tại mức sản lượng Y_2

Cách dựng

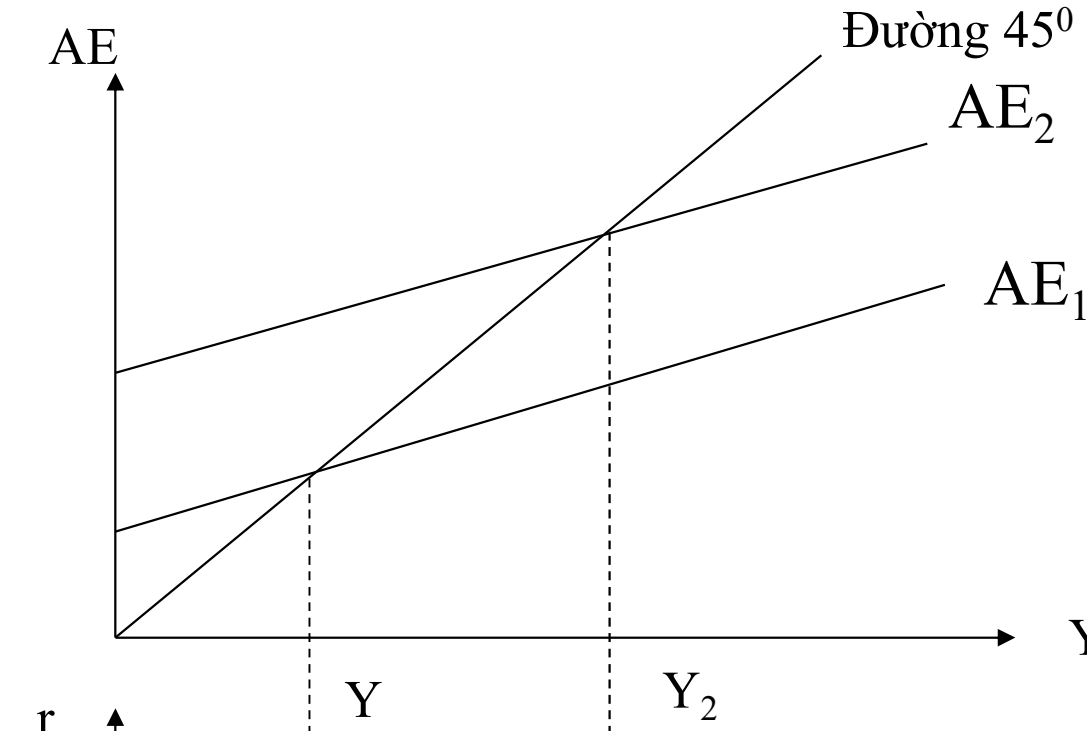

TTHH

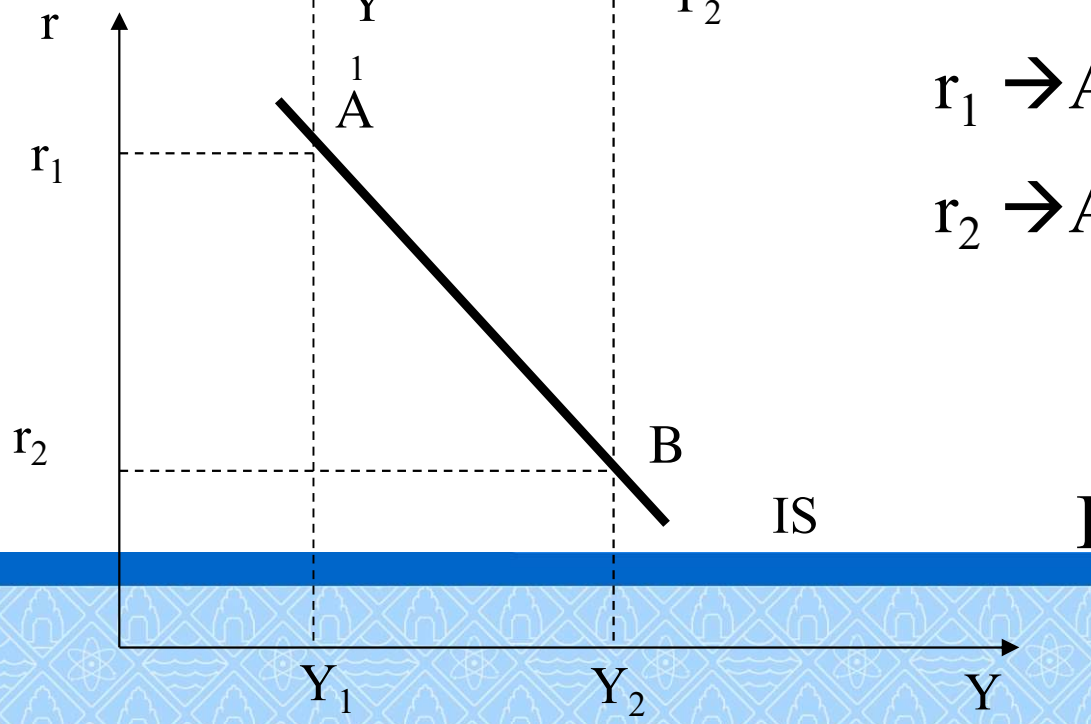

$r_1 \rightarrow AE_1 \rightarrow Y_1 \rightarrow A(Y_1, r_1)$

$r_2 \rightarrow AE_2 \rightarrow Y_2 \rightarrow B(Y_2, r_2)$

IS

Đường IS

- **Ý nghĩa**: Phản ánh sự cân bằng trên thị trường hàng hóa dịch vụ

Những điểm nằm trên đường IS thị trường cân bằng

Những điểm nằm bên phải đường IS cung > cầu

Những điểm nằm bên trái đường IS cung < cầu

- **Độ dốc của đường IS phụ thuộc vào**:

+ Sự nhạy cảm của đầu tư với lãi suất: ít nhạy cảm -> đường IS dốc, ngược lại đường IS thoải

+ Số nhân chi tiêu: Nếu số nhân lớn IS thoải, nếu số nhân nhỏ IS dốc

Đường IS

- Phương trình đường IS: $Y = AE \rightarrow Y = f(r)$
- Các yếu tố làm IS dịch chuyển:

Các yếu tố làm AD dịch chuyển (trừ r) sẽ làm IS dịch chuyển. Nguyên tắc: nếu làm tăng AD thì IS dịch phải, nếu làm giảm AD thì IS dịch trái

- Tác động của chính sách tài khóa:

+ Chính sách tài khóa mở rộng: IS dịch sang phải

+ Chính sách tài khóa thắt chặt: IS dịch sang trái

Đường LM

- Là tập hợp các cách phối hợp khác nhau giữa lãi suất và sản lượng (thu nhập) mà tại đó thị trường tiền tệ cân bằng
- Cách dựng đường LM:

Với mức sản lượng Y_1 ta xác định được cầu tiền MD_1 từ đó xác định lãi suất r_1 để thị trường tiền tệ cân bằng

Với mức sản lượng Y_2 ta xác định được cầu tiền MD_2 từ đó xác định lãi suất r_2 để thị trường tiền tệ cân bằng.

Cách dựng

$Y_1 \rightarrow MD_1 \rightarrow r_1 \rightarrow A(Y_1, r_1)$

$Y_2 \rightarrow MD_2 \rightarrow r_2 \rightarrow B(Y_2, r_2)$

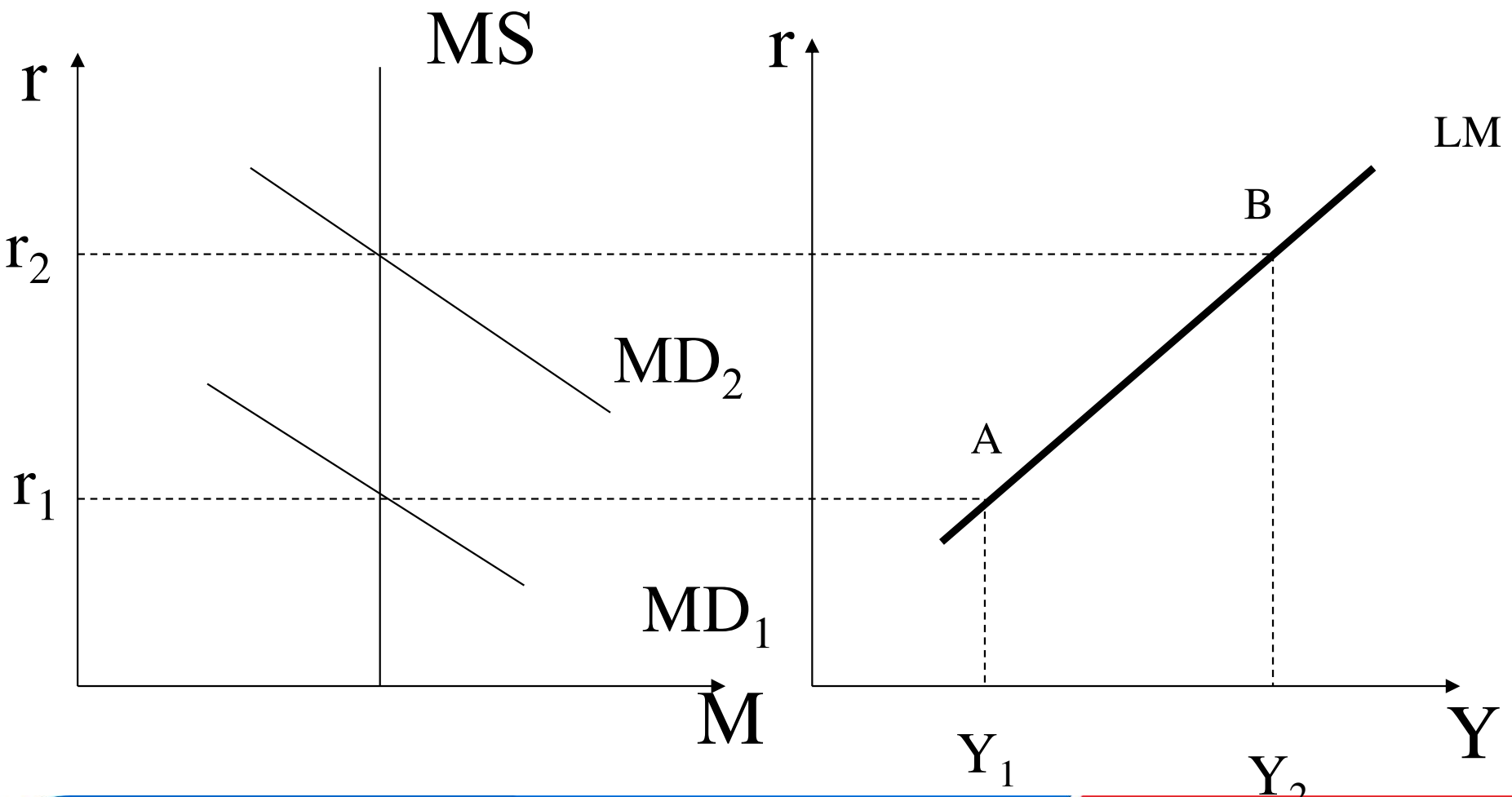

Đường LM

- **Ý nghĩa**: Phản ánh sự cân bằng của thị trường tiền tệ

Những điểm nằm trên đường LM: cung tiền bằng cầu tiền

Những điểm nằm bên trái đường LM: cung tiền lớn hơn cầu tiền (thừa tiền)

Những điểm nằm bên phải đường LM: cầu tiền lớn hơn cung tiền (thiếu tiền)

- Độ dốc của đường LM phụ thuộc vào mức độ nhảy cảm của cầu tiền với sản lượng Y. Nếu MD nhạy cảm với Y thì đường LM có độ dốc cao, nếu MD không nhạy cảm với Y thì đường LM thoải

Đường LM

- Phương trình đường LM

  MS = MD $\rightarrow$ r = f(Y)

- Các yếu tố làm dịch chuyển đường LM

Tác động của các yếu tố làm thay đổi MD (trừ sản lượng) hoặc thay đôi MS sẽ làm LM dịch chuyển. Ở đây chúng ta quan tâm đến yếu tố cung tiền

Nếu MS tăng đường LM dịch chuyển xuống dưới

Mếu MS giảm đường LM dịch chuyển lên trên

- Tác động của chính sách tiền tệ:

  + Chính sách tiền tệ mở rộng: LM dịch xuống

  + Chính sách tiền tệ thắt chặt: LM dịch lên

Cân bằng thị trường hàng hóa và tiền tệ

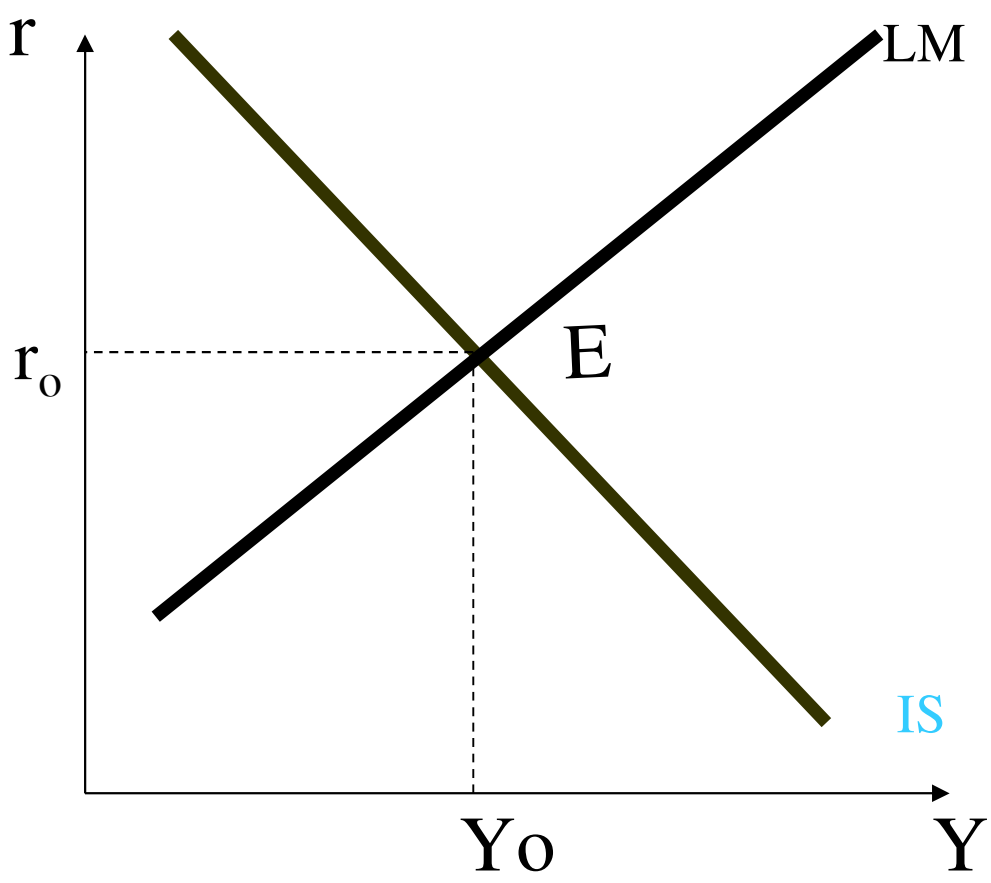

Giao điểm giữa hai đường IS - LM ta xác định được điểm cân bằng đồng thời trên cả hai thị trường hàng hóa và tiền tệ

E thuộc IS : thị trường hàng hóa cân bằng

E thuộc LM : thị trường tiền tệ cân bằng

Tác động của các chính sách trong mô hình IS-LM

Chính sách tài khóa

MR: IS dịch phải :Y, r↑

↑G →AD,Y ↑ :ΔY=m. Δ G

LM → MD↑ → r↑

→I↓→Y↓

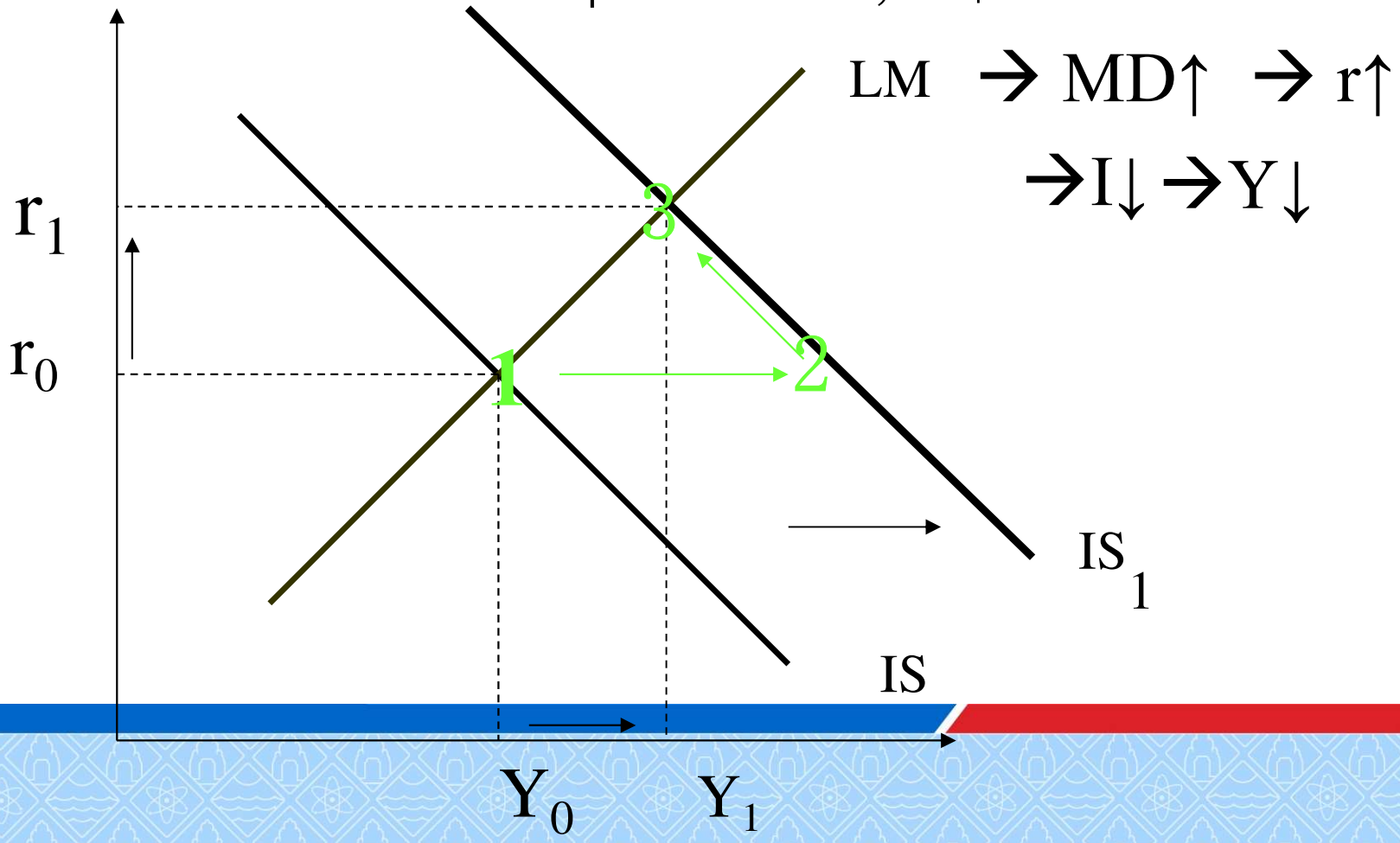

Hiện tượng lấn át đầu tư và hiệu quả của chính sách tài khóa

Chính phủ tăng chi tiêu -> lãi suất tăng -> đầu tư giảm đây là hiện tượng lấn át đầu tư.

Điều gì tác động đến mức độ lấn át và hiệu quả của chính sách tài khóa?

- *Độ dốc của LM*: Khi LM dốc lãi suất tăng cao đầu tư giảm mạnh -> sản lượng giảm, CSTK ít hiệu quả

- *Sự nhạy cảm của đầu tư với lãi suất*: Đầu tư nhạy cảm với lãi suất -> đầu tư giảm mạnh -> sản lượng giảm, CSTK ít hiệu quả

Chính sách tiền tệ

MR: LM dịch xuống dưới: r↓, Y↑

↑M →thừa tiền→ r↓ →I↑ →Y↑ →D^M↑ → r↑

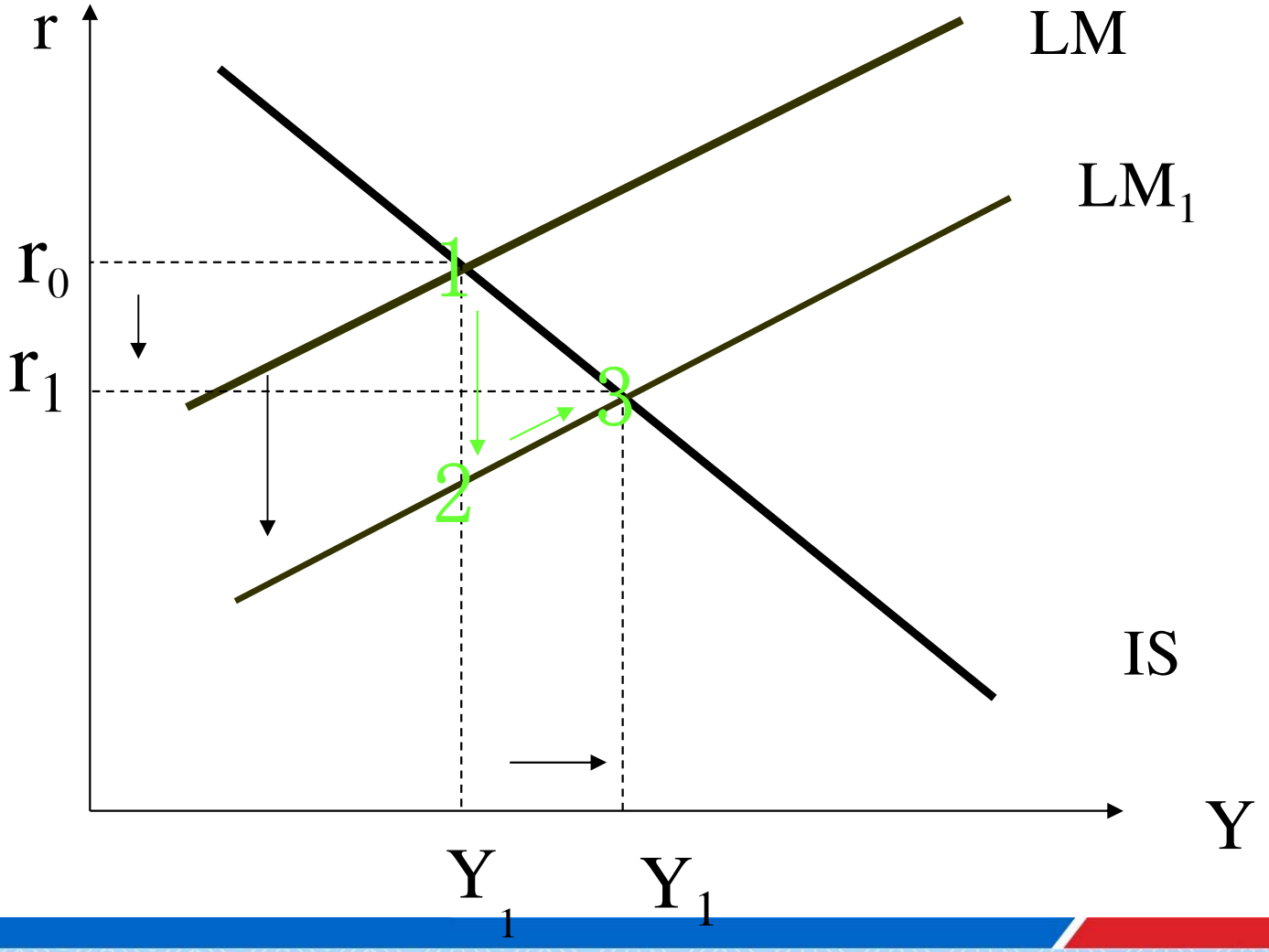

Hiệu quả của chính sách tiền tệ

MS tăng làm tăng đầu tư tư nhân do lãi suất giảm

Điều gì tác động đến hiệu quả của chính sách tiền tệ?

- *Hệ số co dãn cầu tiền với lãi suất*: Cầu tiền co dãn mạnh (thoải) -> khi tăng cung tiền, lãi suất tăng ít tổng cầu tăng ít, CSTT ít hiệu quả
- *Sự nhạy cảm của đầu tư với lãi suất*: Đầu tư nhạy cảm với lãi suất -> đầu tư tăng mạnh khi tăng lãi suất -> sản lượng tăng nhiều, CSTT hiệu quả
- *Giá trị của số nhân*: Số nhân nhỏ tăng đầu tư ít ảnh hưởng đến tổng cầu, chính sách tiền tệ ít hiệu quả

Xây dựng tổng cầu từ mô hình IS - LM

Với mức giá P_0 đường LM là đường LM_0 chúng ta có sản lượng cân bằng là Y_0

Với mức giá P_1 ($P_1 > P_0$) đường LM là đường LM_1 chúng ta có sản lượng cân bằng là Y_1

Kết hợp các điểm này lại chúng ta sẽ vẽ được đường cầu AD

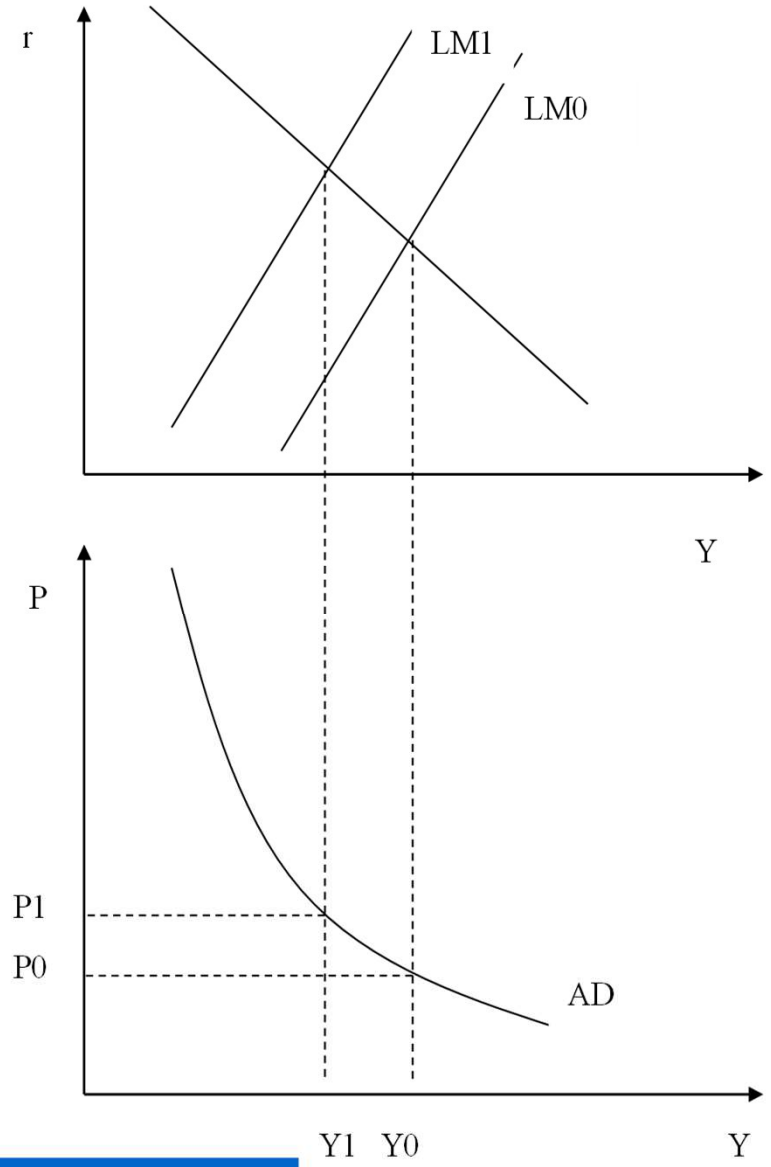

Bài tập

Thị trường hàng hóa và tiền tệ một nền kinh tế đóng được mô tả như sau:

C = 200 + 0,75(Y-T) Đầu tư I = 225-25r

G = 75 T= 100

Cung tiền danh nghĩa MS = 1000

Cầu tiền thực tế MD = Y-100r Mức giá p= 2

a, Hãy xây dựng phương trình đường IS và LM

b, Tính lãi suất và sản lượng cân bằng?

c,Giả sử chi tiêu chính phủ tăng thêm 50 đường IS dịch chuyển bao nhiêu? Tính lãi suất và sản lượng cân bằng mới

d, Giả sử thay vì tăng chi tiêu, cung tiền danh nghĩa tăng từ 1000 lên 1200. Đường LM dịch chuyển bao nhiêu? Tính lãi suất và thu nhập cân bằng mới?

CHƯƠNG 4: NỀN KINH TẾ MỞ TRONG DÀI HẠN

- ***Tiết kiệm đầu tư trong nền kinh tế nhỏ, mở cửa***

Phương trình cân bằng trong nền kinh tế mở: $Y = C + I + G + NX$

$\Rightarrow Y - C - G = I + NX$

Trong đó $Y - C - G$ là tiết kiệm quốc dân (S) như vậy: $S - I = NX$

Cán cân thương mại phụ thuộc vào tiết kiệm và đầu tư.

- Tiết kiệm chính là cung về vốn vay
- Đầu tư chính là cầu về vốn vay

- Cán cân thương mại (N X > 0) khi S > I hay cung vốn lớn hơn cầu về vốn: Dư vốn và đem xuất khẩu ra bên ngoài.
- Cán cân thương mại (NX < 0) khi S < I hay cung vốn nhỏ hơn cầu về vốn : Thiếu vốn và phải nhập khẩu vốn hay đi vay từ bên ngoài.

Vốn lưu chuyển hoàn hảo và lãi suất thế giới

+ Với các nền kinh tế mở và nhỏ: dòng vốn lưu chuyển hoàn hảo trong các nước nhỏ không làm cho lãi suất thế giới (r*) thay đổi

=> Các nước nhỏ: r = r*

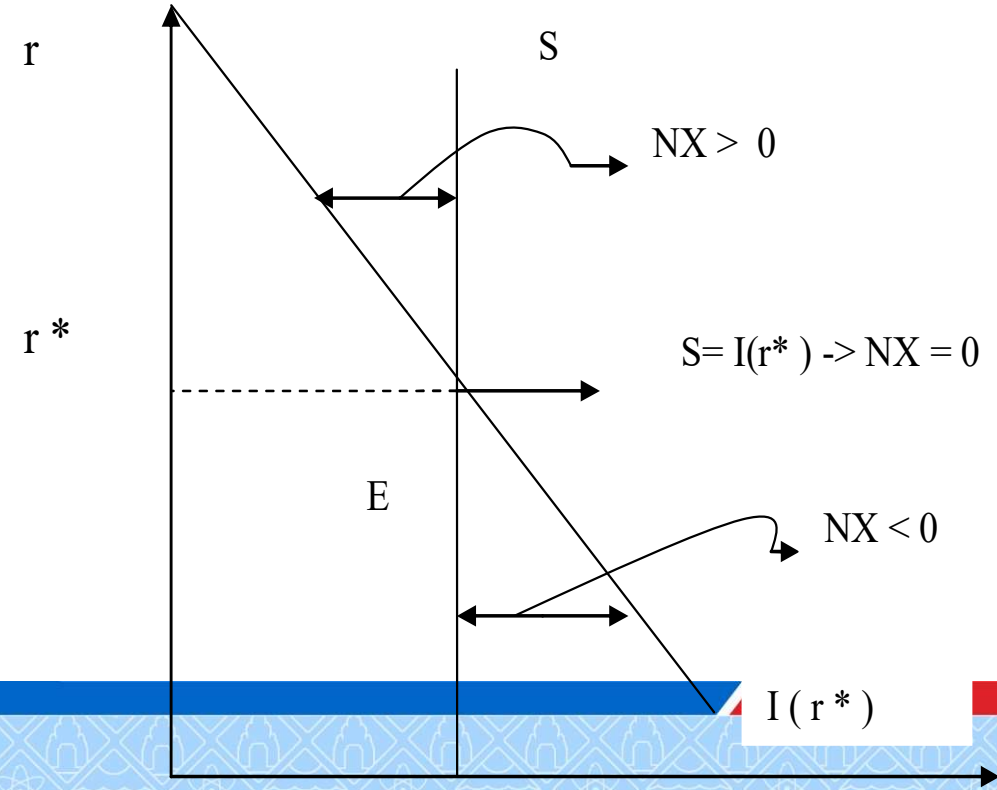

Các chính sách tác động đến cán cân thương mại

- **Chính sách tài khóa tron nước**

  Khi chính phủ tăng chi tiêu tiết kiệm trong nước sẽ giảm cầu vốn > cung vốn ➔ cán cân thương mại thâm hụt

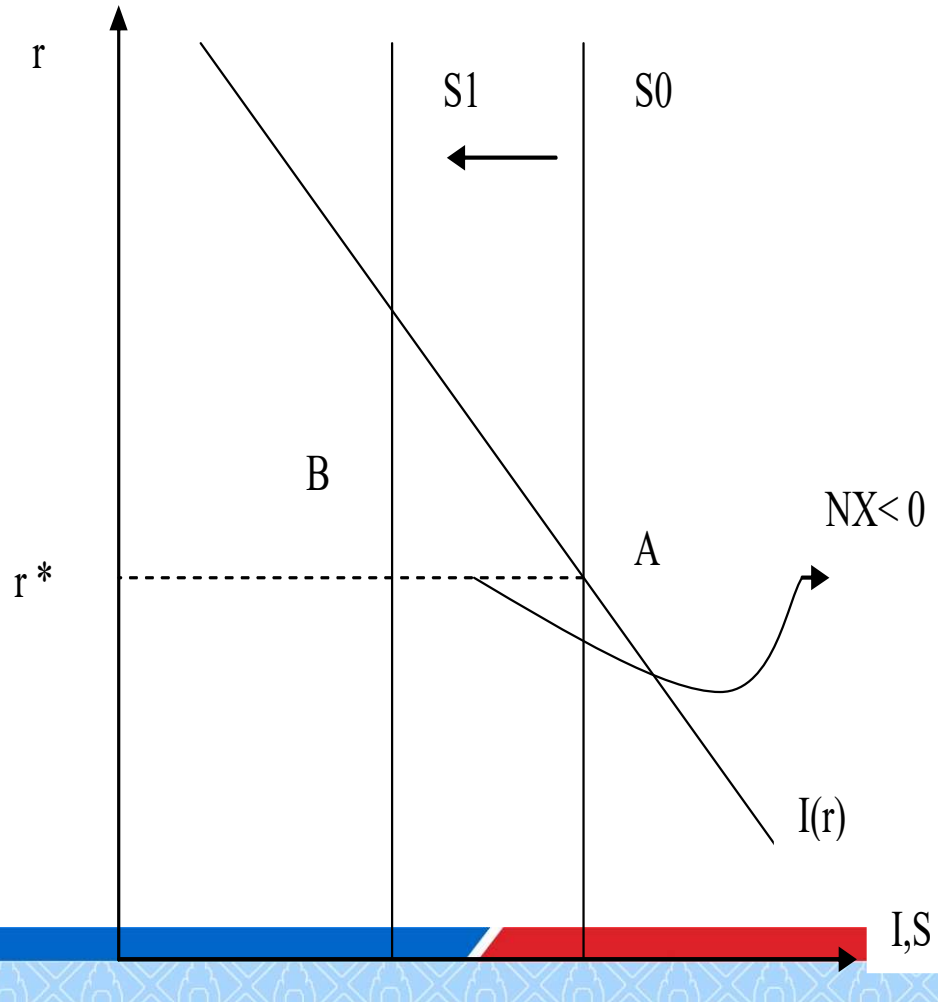

Chính sách tài khóa nước ngoài

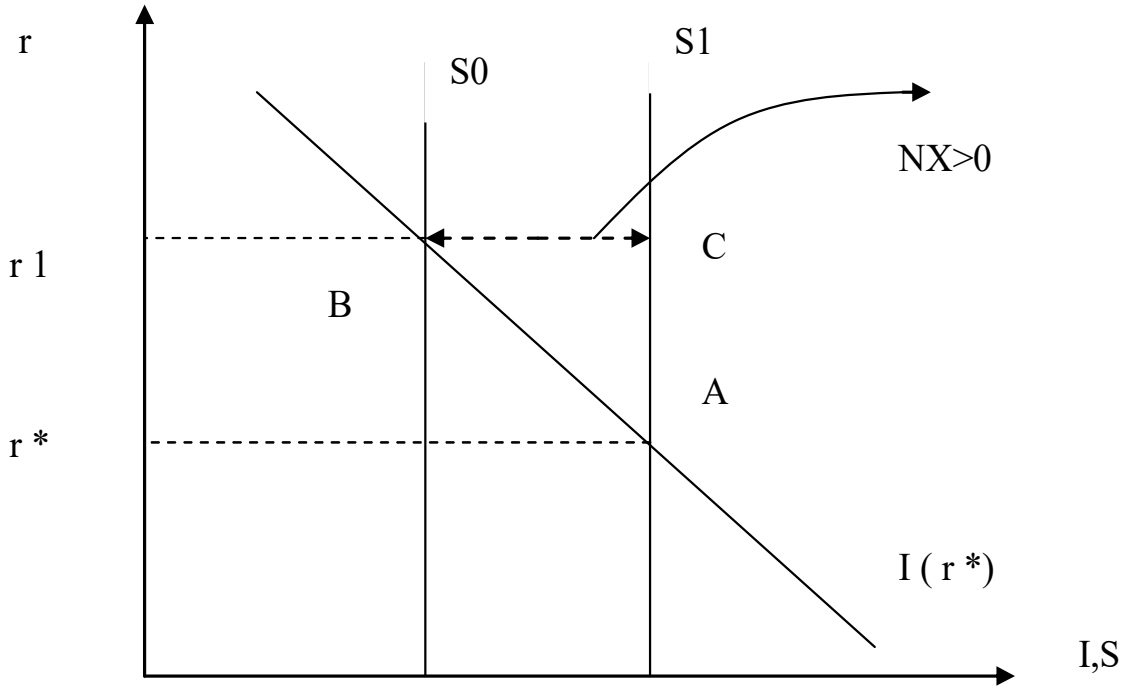

Nước ngoài thực hiện chính sách tài khóa mở rộng, tiết kiệm giảm, lãi suất thế giới tăng lên. Lãi suất tăng, làm cho đầu tư trong nước giảm ➔tiết kiệm S > I (đầu tư) ➔ cán cân thương mại thặng dư.

- **Chính sách khuyến khích đầu tư**

Khuyến khích đầu tư trong nước làm nhu cầu về vốn vay tăng lên, đường I (r *) dich phải. Nhu cầu về vốn lớn hơn tiết kiệm nên thâm hụt cán cân thương mại

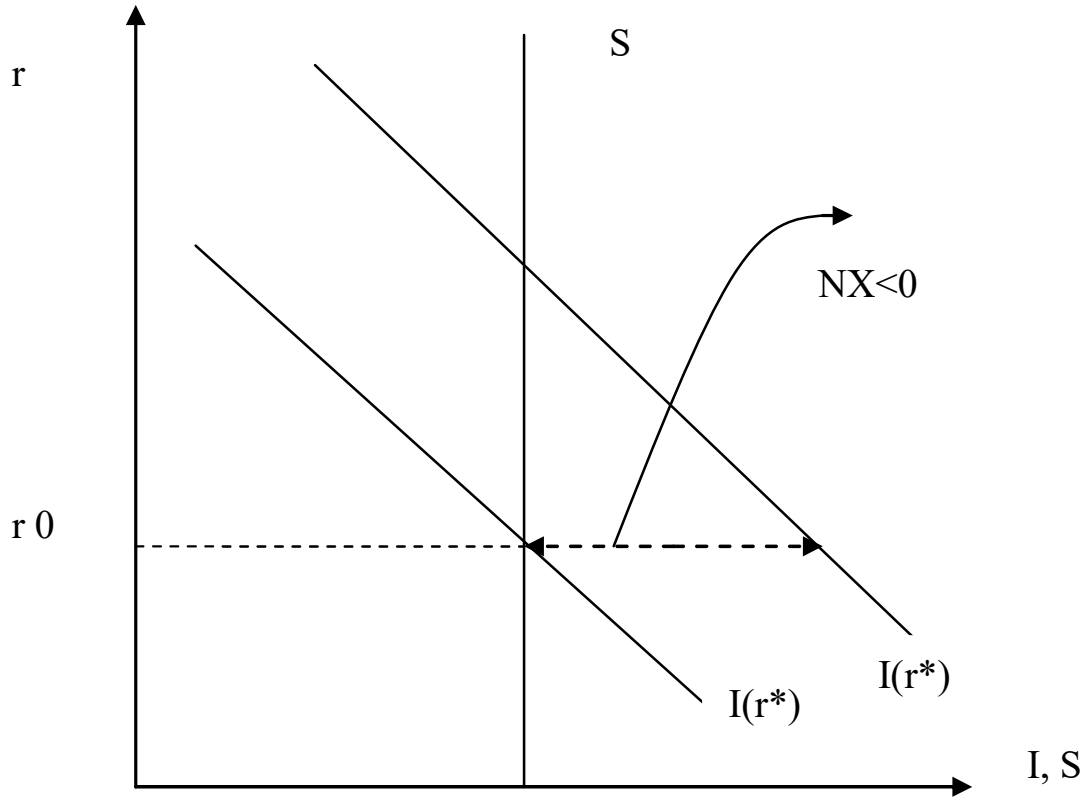

THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

Tỷ giá hối đoái danh nghĩa (E) và tỷ giá hối đoái thực tế (e)

Tỷ giá hối đoái danh nghĩa: là tỷ lệ trao đổi giữa hai đồng tiền. Ký hiệu E là số đơn vị ngoại tệ đổi lấy một đơn vị nội tệ và $E^{VNĐ/USD}$ là số đơn vị nội tệ đổi lấy một đơn vị ngoại tệ

Tỷ giá hối đoái thực tế: là tỷ lệ hàng hóa và dịch vụ của một nước được trao đổi với hàng hóa va dịch vụ của nước khác

Ta có:

$e = E.P/P^*$

Trong đó: P là giá cả hàng hóa trong nước, P* là giá cả hàng hóa nước ngoài.

Ý nghĩa của e là giá hàng hóa trong nước gấp bao nhiêu lần hàng hóa nước ngoài.

THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI THEO $E^{VNĐ/USD}$

Cung ngoại tệ:

Cung ngoại tệ được hiểu là mức cung ngoại tệ ra thị trường.

Cung ngoại tệ phụ thuộc vào những nhân tố sau:

+ Xuất khẩu:

+ Số khách du lịch nước ngoài

+ Số vốn đầu tư từ nước ngoài

+ Ngoài ra còn phụ thuộc vào những nhân tố sau: Kiều bào gửi tiền về nước, viện trợ nước ngoài vào nước …

Cầu ngoại tệ

- Cầu ngoại tệ là nhu cầu mua ngoại tệ của các tổ chức và cá nhân trong nền kinh tế
- Các nhân tố tác động đến cầu ngoại tệ:

  + Hoạt động Nhập khẩu:

  + Đi du lịch nước ngoài, đầu tư ra nước ngoài….

  + Chuyển tiền ra nước ngoài

Xác định tỷ giá hối đoái danh nghĩa $E^{VNĐ/USD}$

Cung với cầu cắt nhau chúng ta xác định được tỷ giá E_0

Các yếu tố làm tăng cung ngoại tệ sẽ làm tỷ giá giảm

Các yếu tố làm giảm cung ngoại tệ sẽ làm tỷ giá tăng

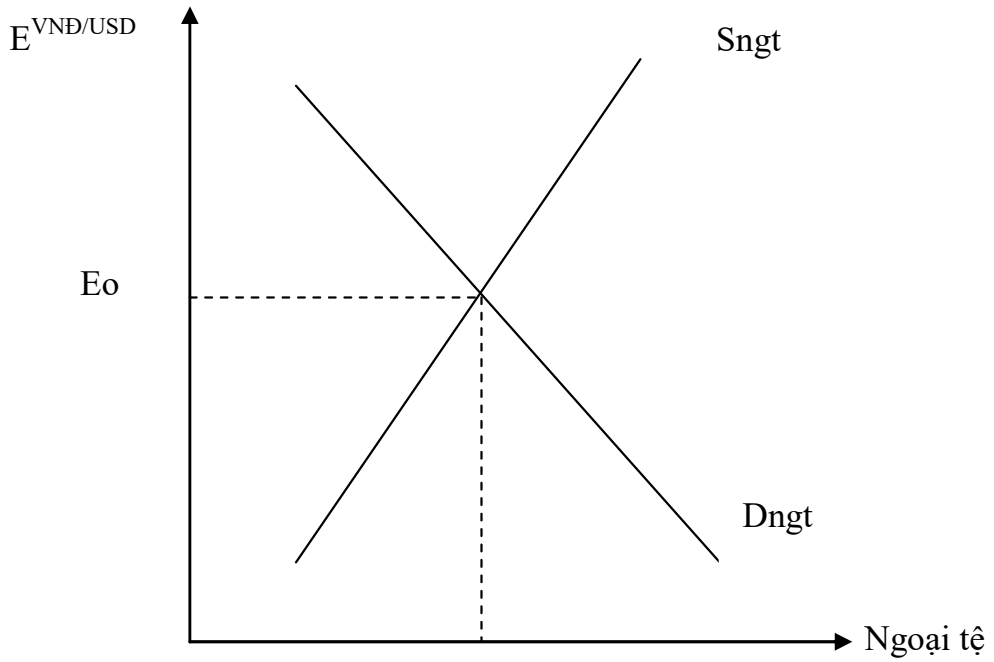

Các hệ thống tỷ giá hối đoái

Tỷ giá hối đoái thả nổi (linh hoạt) (floating exchange rate)

Là tỷ giá được tự do biến động để đạt mức cân bằng cung cầu của thị trường ngoại hối.

Với tỷ giá hối đoái thả nổi thì lượng cung và lượng cầu ngoại tệ bằng nhau ⇔ luồng tiền vào = luồng tiền ra. Và cán cân thanh toán = 0. Không có nhu cầu dự trữ ngoại tệ. Lúc này không có sự can thiệp của ngân hàng trung ương.

Các cơ chế tỷ giá hối đoái

Tỷ giá hối đoái thả nổi (linh hoạt) (floating exchange rate)

Là tỷ giá được tự do biến động để đạt mức cân bằng cung cầu của thị trường ngoại hối.

Với tỷ giá hối đoái thả nổi thì lượng cung và lượng cầu ngoại tệ bằng nhau ⇔ luồng tiền vào = luồng tiền ra. Và cán cân thanh toán = 0. Không có nhu cầu dự trữ ngoại tệ. Lúc này không có sự can thiệp của ngân hàng trung ương.

Các cơ chế tỷ giá hối đoái

Tỷ giá hối đoái cố định (fixed exchange rate)

Là tỷ giá mà chính phủ (NHTW) quy định. NH Trung ương đồng ý duy trì khả năng chuyển đổi đồng tiền trong nước với đồng tiền nước ngoài. Tức là mọi người có thể đổi ngoại tệ lấy nội tệ hoặc đổi nội tệ lấy ngoại tệ theo tỷ giá cố định mà NH Trung ương công bố.

Tuỳ trường hợp mà khi qui định tỷ giá cố định, NHTW phải mua hay bán ngoại tệ để giữ vững sự cân bằng cung cầu theo tỷ giá đã ấn định.

- Nếu tỷ giá hối đoái cân bằng ($E^{VNĐ/USD}$) thấp hơn tỷ giá hối đoái cố định, NHTW sẽ can thiệp như thế nào?
- Nếu tỷ giá hối đoái cân bằng ($E^{VNĐ/USD}$) cao hơn tỷ giá hối đoái cố định, NHTW sẽ can thiệp như thế nào?

Các cơ chế tỷ giá hối đoái

Tỷ giá hối đoái thả nổi có kiểm soát (flexibility limited exchange rate)

Là cơ chế tỷ giá thả nổi (theo cung cầu thị trường) nhưng khi có sự giao động mạnh & nhanh của tỷ giá thị trường thì chính phủ sẽ can thiệp vào thị trường ngọai hối (bằng cách mua hoặc bán ngọai tệ để giữ tỷ giá ổn định).

Ngày nay phần lớn các quốc gia sử dụng cơ chế tỷ giá này. Có thể xem tỷ giá hối đoái có quản lý như là một sự thỏa hiệp giữa tỷ giá cố định & tỷ giá thả nổi.

Xác định tỷ giá hối đoái thực tế e

Xuất khẩu ròng (tài khoản vãng lai) thể hiện cầu về đồng Việt Nam

S-I (tài khoản vốn) thể hiện cung nội tệ

Việt Nam sẵn có để đầu tư ra nước ngoài

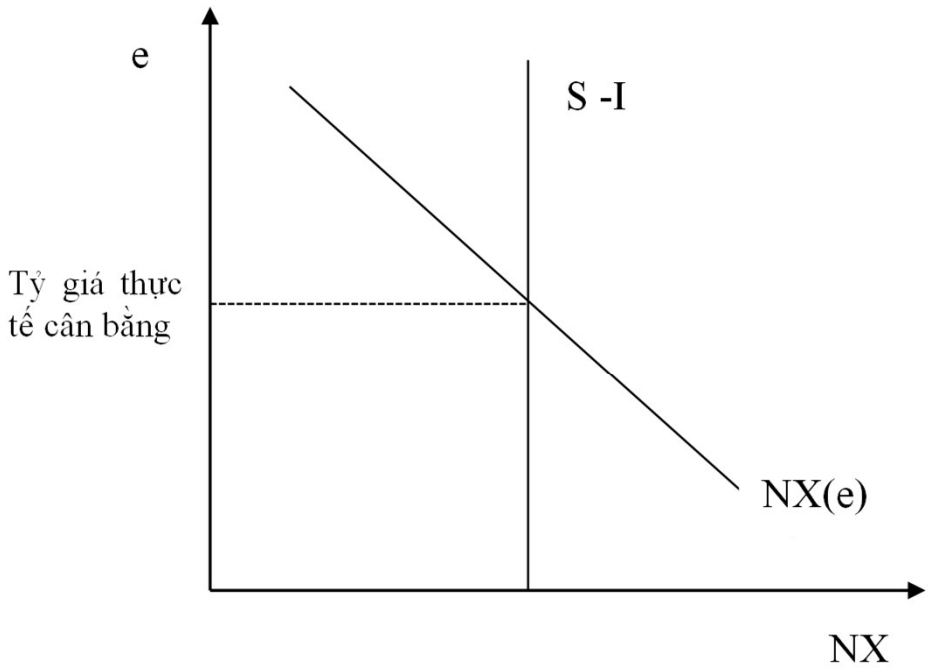

Tác động của chính sách đối với tỷ giá hối đoái thực tế e

Chính sách tài khóa trong nước

Khi thực hiện chính sách tài khóa mở rộng S-I (cung nội tệ) giảm xuống làm tăng giá đồng nội tệ (tỷ giá hối đoái tăng)

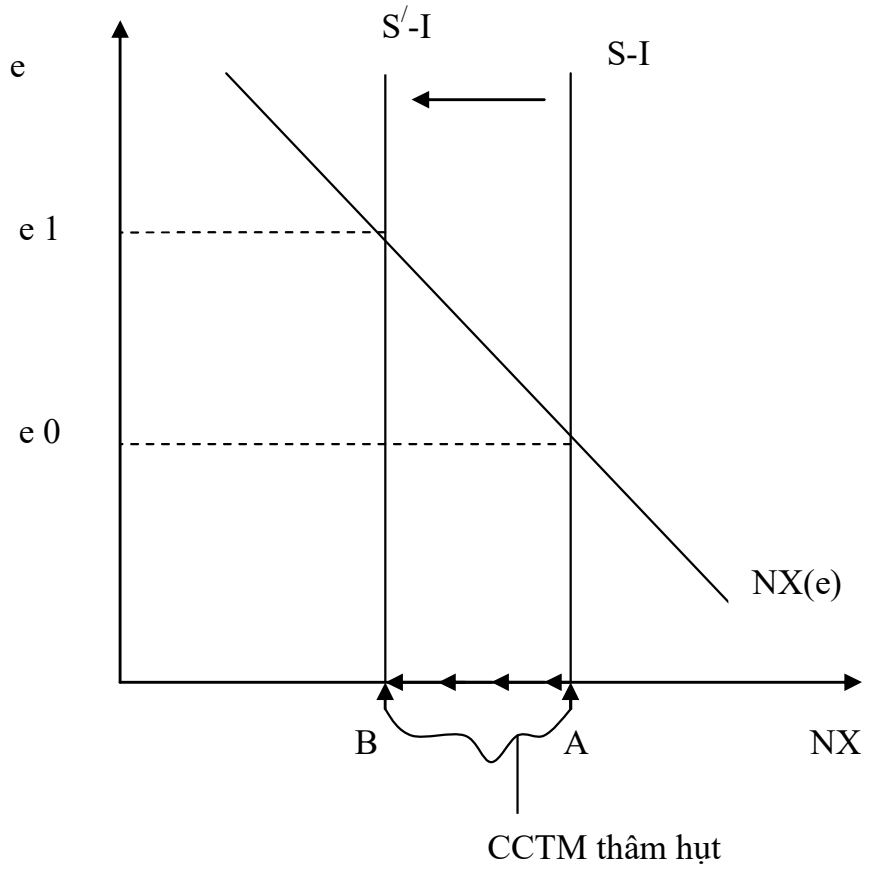

Chính sách tài khóa nước ngoài

Khi nước goài thực hiện chính sách tài khóa mở rộng -> lãi suất thế giới tăng làm giảm đầu tư trong nước -> cung nội tệ tăng, tỷ giá hối đoái giảm

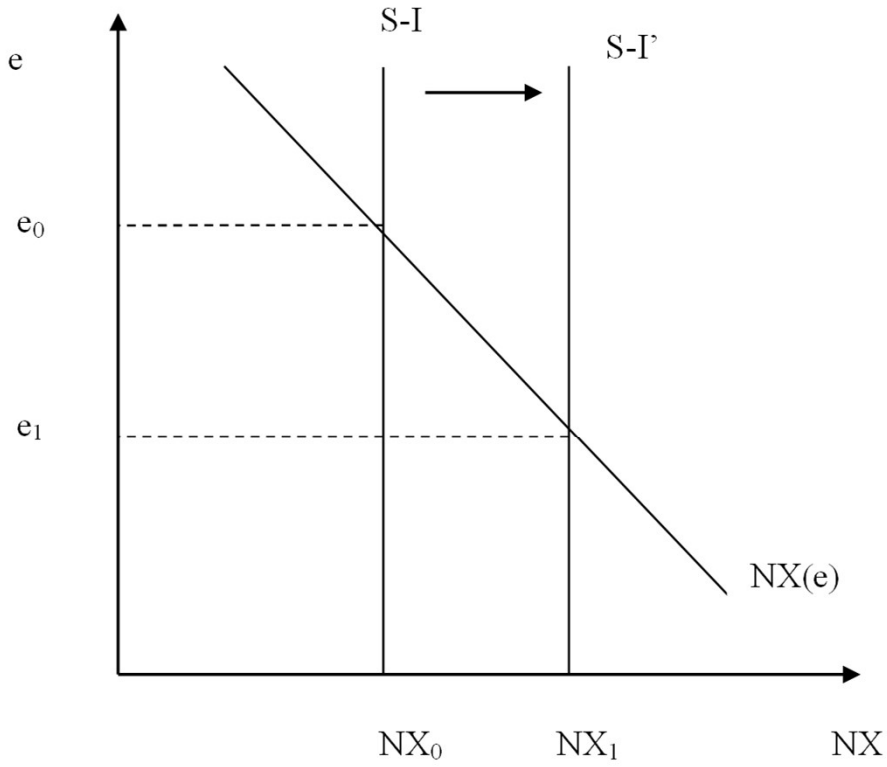

Chính sách khuyến khích đầu tư trong nước

Khi đầu tư trong nước tăng lên, cung nội tệ giảm đi làm tăng tỷ giá hối đoái

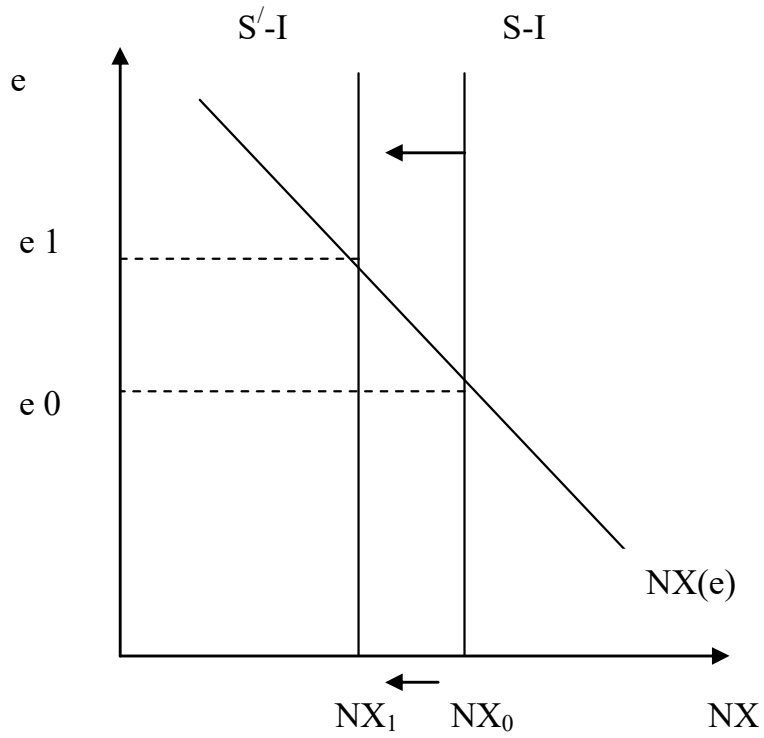

Chính sách thương mại

Khi chính phủ sử dụng các công cụ như thuế quan, hạn ngạch để tác động đến thương mại làm NX tăng lên điều này làm đường NX dịch sang phải tỷ giá hối đoái thực tế tăng lên mà không tác động đến tài khoản vãng lai

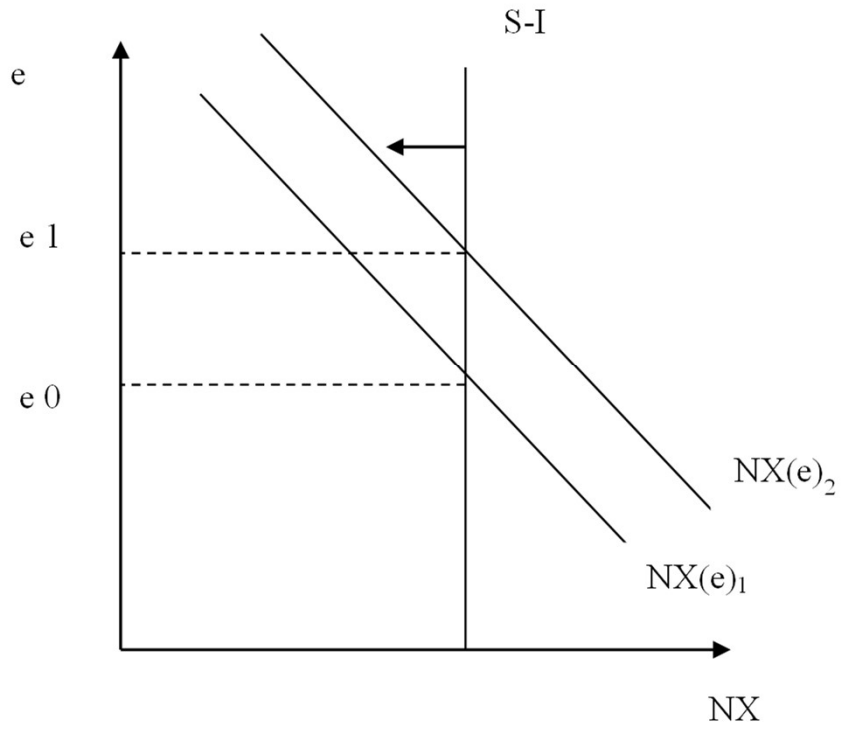

Chương 5: Tổng cầu trong nền kinh tế mở

Mô hình Mundell-Fleming

Là một dạng của mô hình IS-LM áp dụng trong nền kinh tế mở

Đường LM sẽ không thay đổi: MS/P = MD

Đường IS có dạng như sau:

$Y = C + I + G + X - IM$

Chúng ta phân tích một quốc gia có nền kinh tế mở nhỏ, vốn luân chuyển hoàn hảo, do đó lãi suất trong nước bằng với lãi suất thế giới ($r = r^*$)

Mô hình Mundell-Fleming trên hệ trục Y-r

- Cách xây dựng đường IS: Giống với cách xây dựng đường IS trong nền kinh tế đóng tuy nhiên chúng ta đưa xuất khẩu và nhập khẩu vào hàm AE với tỷ giá hối đoái thực tế e cho trước
- Đường LM vẫn như cũ
- Trường hợp nền kinh tế mở nhỏ, vốn lưu chuyển hoàn hảo thì r = r* (đường CM)

⇒Mô hình như sau:

Mô hình Mundell-Fleming trên hệ trục Y-r

Trạng thái cân bằng chung của nền kinh tế là tại giao điểm của 3 đường IS, LM và CM

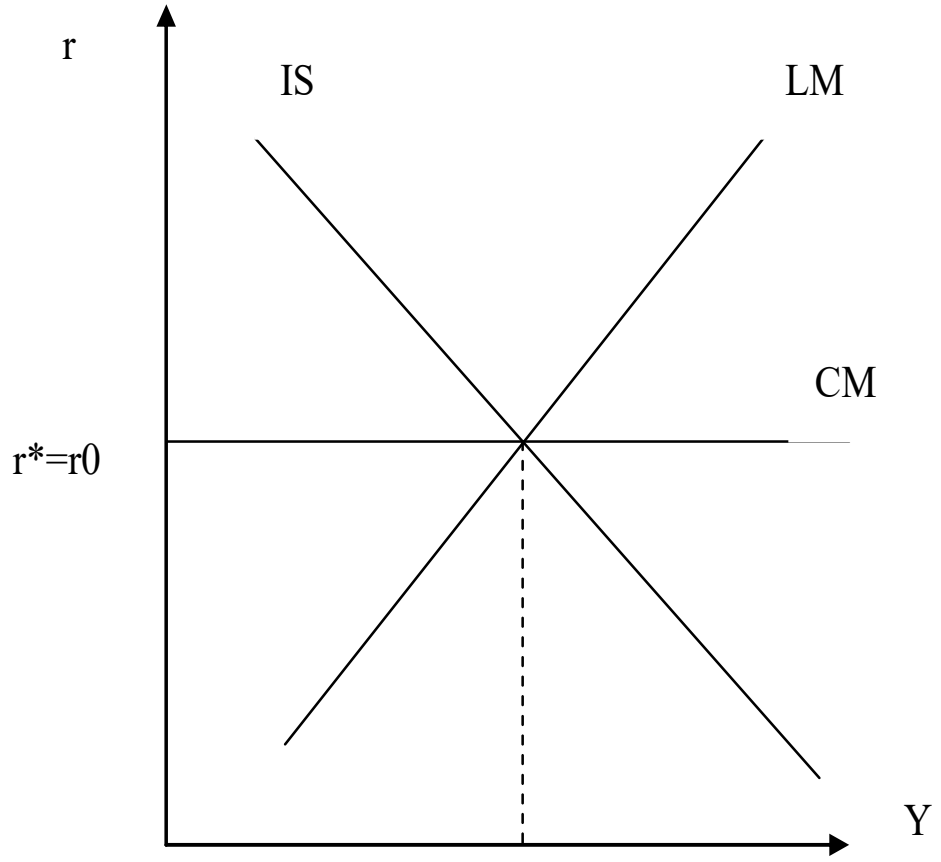

Mô hình Mundell-Fleming trên hệ trục Y-e

- Với hệ trục này r sẽ là biến ngoại sinh (được xác định trước (r = r*). Chỉ có một mức thu nhập duy nhất đảm bảo thị trường tiền tệ cân bằng tại r = r* nên đường LM sẽ là một đường thẳng đứng.
- Khi tỷ giá hối đoái tăng lên, đồng nội tệ tăng giá làm xuất khẩu ròng giảm do đó AE giảm dẫn đến sản lượng thấp hơn, điều này có nghĩa là IS trong hệ trục Y- e là một đường dốc xuống.

Mô hình Mundell-Fleming trên hệ trục Y-e

Giao điểm giữa IS – LM chúng ta sẽ xác định được mức thu nhập và tỷ giá hối đoái cân bằng

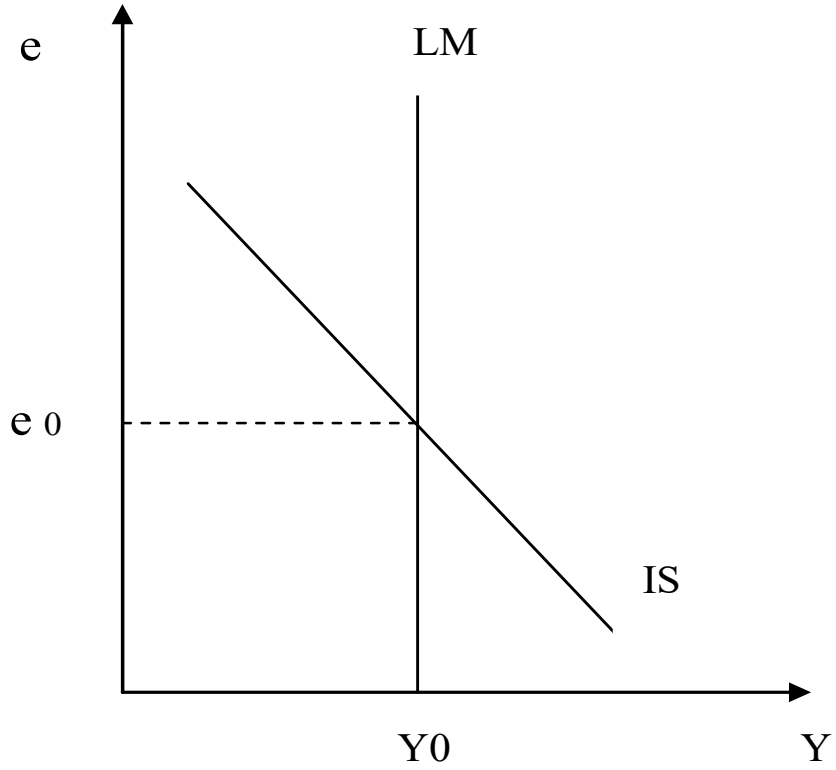

Sự giống và khác nhau giữa mô hình IS – LM và mô hình Mundell-Fleming

Giống: Cả hai đều giả định mức giá cố định và phân tích nguyên nhân gây ra biến động thu nhập

Khác: + IS – LM giả định nền kinh tế đóng còn Mundell-Fleming giả giả định nền kinh tế nhỏ, mở cửa và vốn luân chuyển hoàn hảo

+ Trong mô hình Mundell – Fleming lãi suất là ngoại sinh (được xác định trước) còn tỷ giá hối đoái có thể thay đổi còn trong mô hình IS – LM lãi suất có thể thay đổi còn tỷ giá hối đoái thì không xuất hiện.

Các chính sách trong điều kiện tỷ giá hối đoái thả nổi

- **Chính sách tài khóa**

Khi chính phủ tăng chi tiêu, sẽ làm tăng AE, tuy nhiên chính phủ bán trái phiếu trên thị trường mơ sẽ làm lãi suất trong nước tăng lên, dòng vốn bên ngoài đổ vào => tăng cầu nội tệ làm đồng nội tệ lên gia => ty gia hối đoái tăng => xuất khẩu ròng giảm => AE giảm, sản lượng trơ về như cũ. Vốn bên ngoài đổ vào cho đến khi lãi suất trong nước ngang bằng với lãi suất thế giới.

=> Chính sách tài khóa không hiệu quả trong chế độ ty gia hối đoái tha nổi

Mô hình CSTK

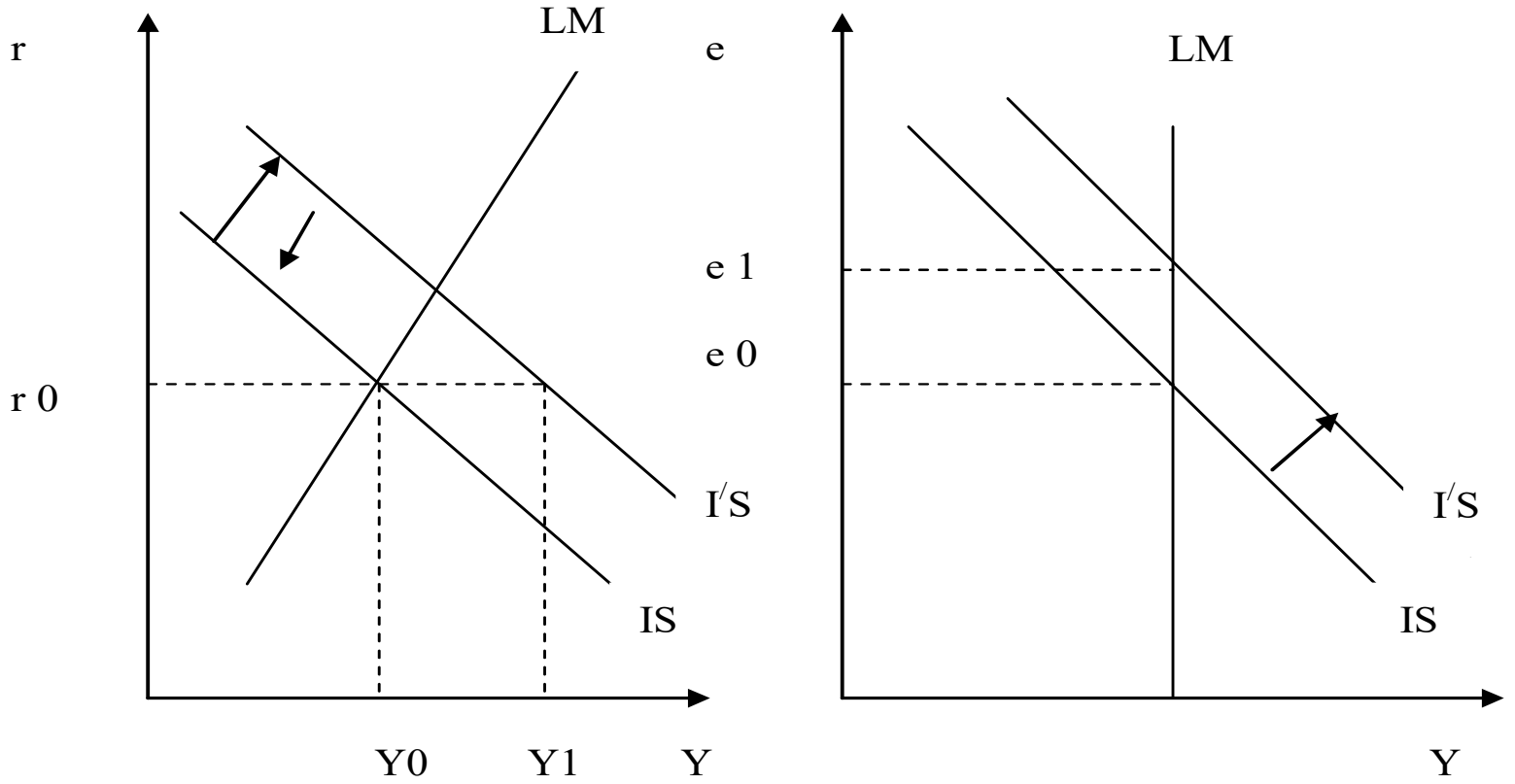

Trong hệ trục Y-r, chi tiêu chính phủ tăng làm IS dịch phải, tuy nhiên điều này làm e tăng, giảm xuất khẩu ròng, IS trở về trạng thái ban đầu.

Trong hệ trục Y-e, đường IS dịch sang phải, e tăng, sản lượng không đổi

Chính sách tiền tệ

- Khi NHTW tăng cung tiền, làm lãi suất trong nước giảm, lượng vốn chảy ra nước ngoài. Các nha đầu tư có nhu cầu bán nội tệ -> cung nội tệ tăng -> đồng nội tệ giảm giá, tỷ giá hối đoái giảm -> tăng xuất khẩu ròng -> AE tăng làm tăng sản lượng. Dòng vốn chảy ra cho đến khi lãi suất trong nước ngang bằng với lãi suất thế giới
- => chính sách tiền tệ hiệu quả trong chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi

Mô hình CSTT

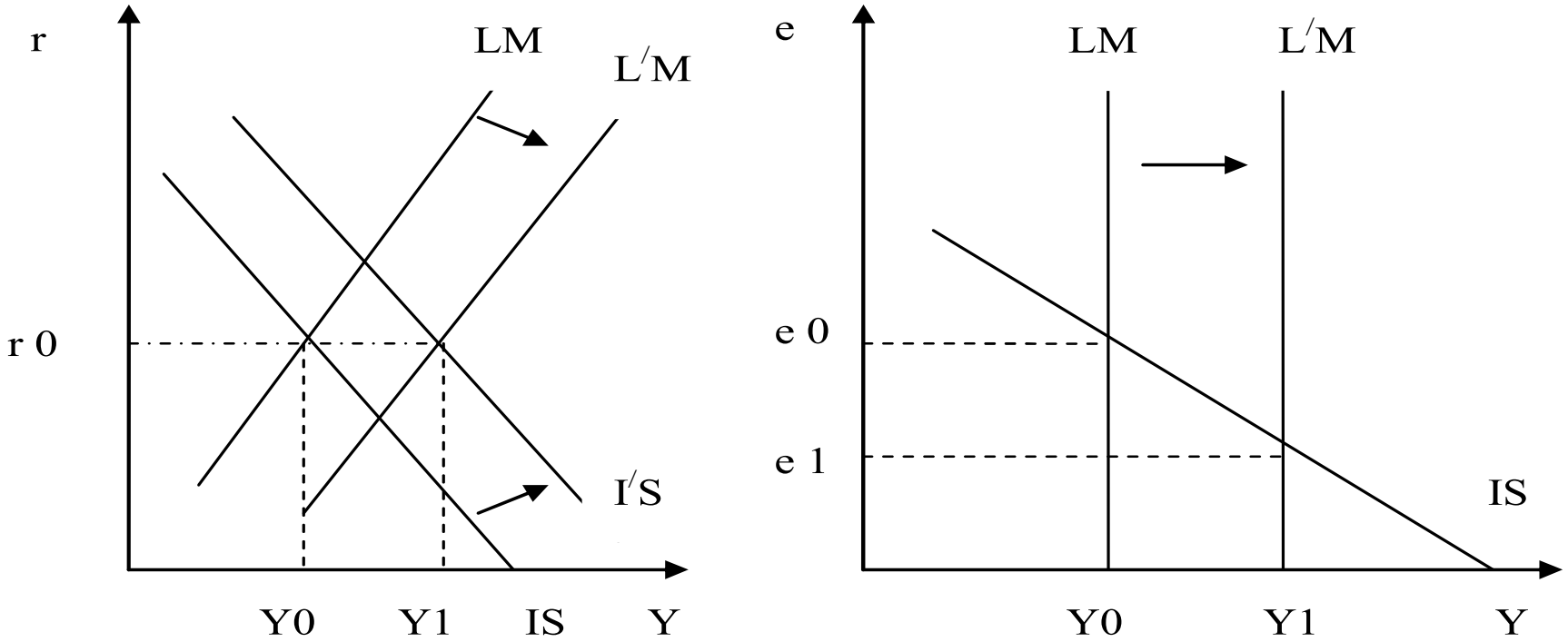

Trên hệ trục Y-r, khi cung tiền tăng đường LM dịch chuyển sang phải, lãi suất giảm làm vốn chảy ra, tỷ giá hối đoái giảm làm NX tăng -> AE tăng, đường IS dịch chuyển sang phải cân bằng tại lãi suất thế giới và mức sản lượng mới

Trên hệ trục Y-e, cung tiền tăng, đường LM dịch sang phải, tỷ giá giảm sản lượng tăng

Chính sách thương mại

- Tác động của chính sách hạn chế thương mại cũng giống chính sách tài khóa mở rộng. Làm tăng NX -> AE tăng đường IS dịch sang phải, tuy nhiên cầu về nội tệ tăng (do xuất khẩu nhiều) làm đồng nội tệ lên giá -> tỷ giá tăng-> xuất khẩu ròng giảm, sản lượng trở về gia trị ban đầu.
- => chính sách hạn chế thương mại không làm thay đổi xuất khẩu ròng và sản lượng mà chỉ làm tăng tỷ giá

Mô hình CSTM

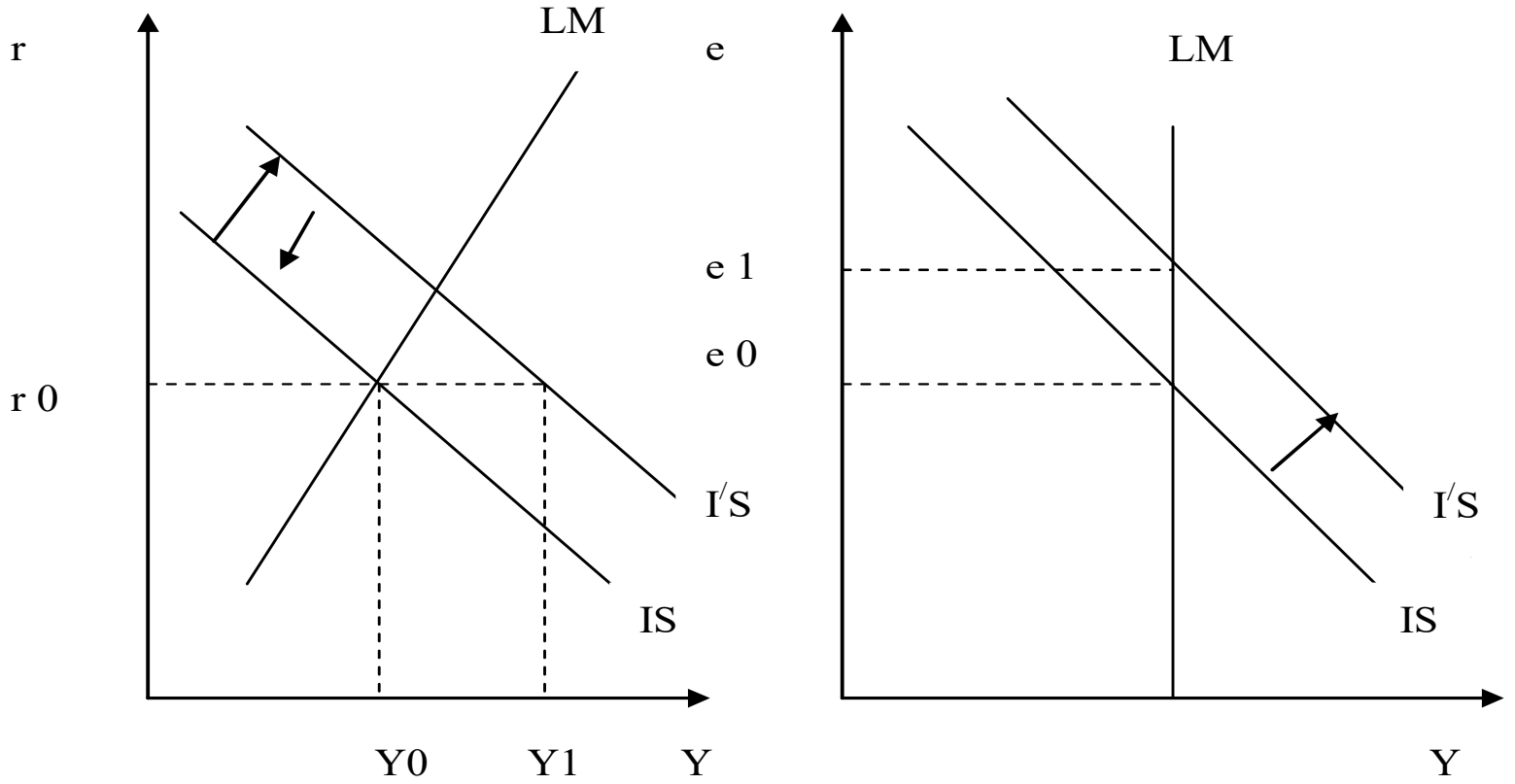

Trong hệ trục Y-r, hạn chế thương mại, tăng NX làm IS dịch phải, tuy nhiên điều này làm e tăng, giảm xuất khẩu ròng, IS trở về trạng thái ban đầu.

Trong hệ trục Y-e, đường IS dịch sang phải, e tăng, sản lượng không đổi

Các chính sách trong điều kiện tỷ giá hối đoái cố định

- **Chính sách tài khóa**

Khi chính phủ tăng chi tiêu, sẽ làm tăng AE, tuy nhiên chính phủ bán trái phiếu trên thị trường mở sẽ làm lãi suất trong nước tăng lên, dòng vốn bên ngoài đổ vào => tăng cầu nội tệ làm đồng nội tệ lên gia => tỷ gia hối đoái tăng. Để giữ tỷ gia cố định NHTW tung nội tệ ra mua ngoại tệ vào=> Cung tiền tăng cho đến khi lãi suất giảm bằng với lãi suất thế giới=> AE tăng, sản lượng tăng.

=> Chính sách tài khóa hiệu quả trong chế độ tỷ gia hối đoái cố định

Mô hình CSTK

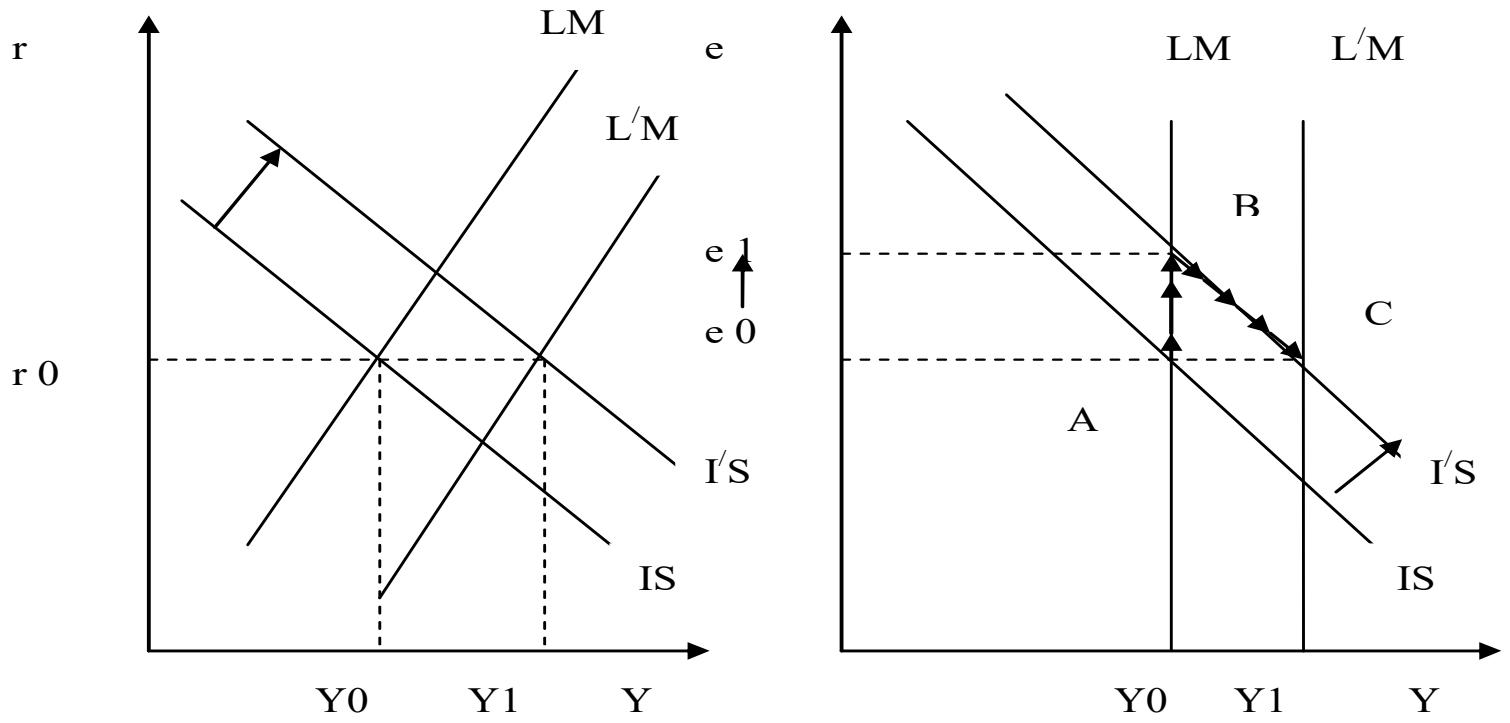

Trong hệ trục Y-r, chi tiêu chính phủ tăng làm IS dịch phải, tuy nhiên điều này làm e tăng, NHTW tung nội tệ ra làm cung nội tệ tăng, đường LM dịch sang phải. Sản lượng tăng
Trong hệ trục Y-e, đường IS và đường LM dịch sang phải, e không đổi, sản lượng tăng

Chính sách tiền tệ

- Khi NHTW tăng cung tiền, làm lãi suất trong nước giảm, lượng vốn chảy ra nước ngoài. Các nha đầu tư có nhu cầu bán nội tệ -> cung nội tệ tăng -> đồng nội tệ giảm giá, tỷ giá hối đoái giảm -> NHTW mua nội tệ vào làm giảm cung nội tệ đẩy lãi suất lên ngang bằng lãi suất thế giới -> sản lượng trở về mức ban đầu.
- => chính sách tiền tệ không hiệu quả trong chế độ tỷ giá hối đoái cố định

Mô hình CSTT

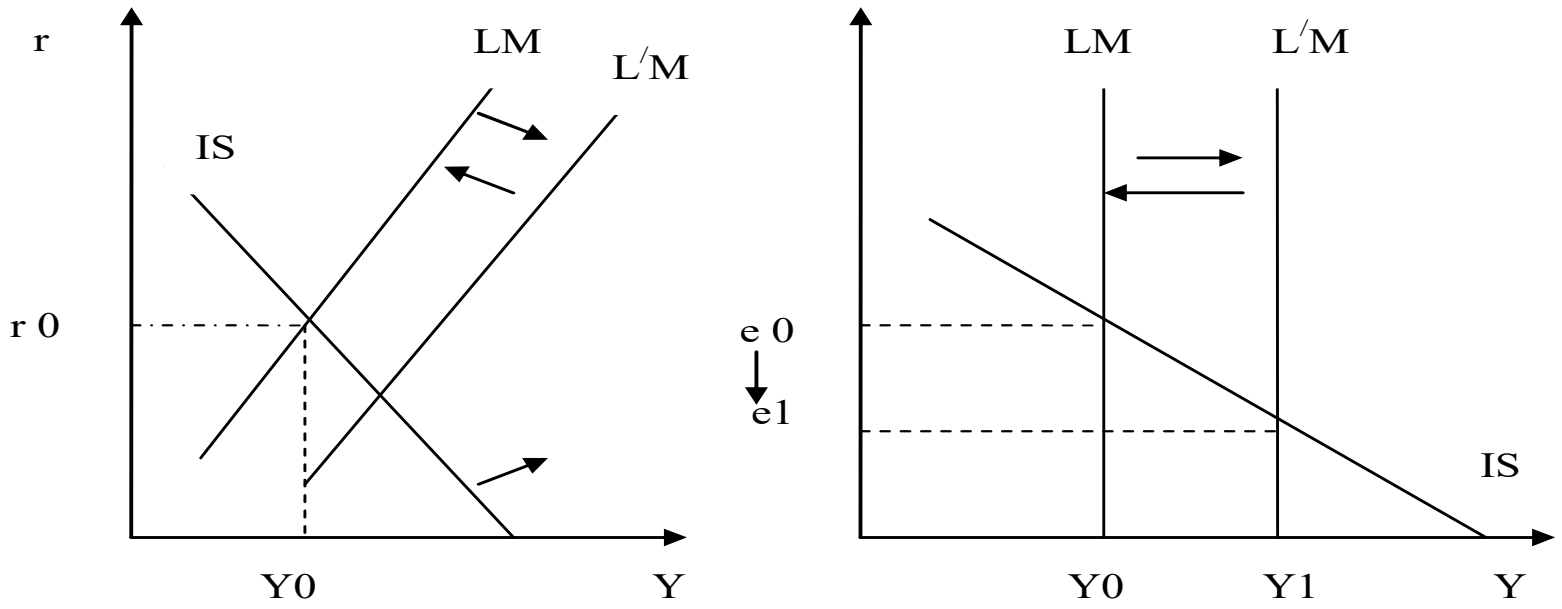

Trên hệ trục Y-r, khi cung tiền tăng đường LM dịch chuyển sang phải, lãi suất giảm làm vốn chảy ra, tỷ giá hối đoái giảm NHTW mua nội tệ làm cung nội tệ giảm đường LM dịch chuyển về vị trí ban đầu

Trên hệ trục Y-e, cung tiền tăng, đường LM dịch sang phải, tỷ giá giảm, NHTWmau nội tệ đẩy tỷ giá lên, đường LM dịch chuyển về vị trí ban đầu

Chính sách thương mại

- Tác động của chính sách hạn chế thương mại cũng giống chính sách tài khóa mở rộng. Làm tăng NX -> AE tăng đường IS dịch sang phải, tuy nhiên cầu về nội tệ tăng (do xuất khẩu nhiều) làm đồng nội tệ lên giá -> tỷ giá tăng-> NHTW bán nội tệ ra làm tăng cung nội tệ đường LM dịch chuyển sang bên phải, sản lượng tăng, r = r*.
- => chính sách hạn chế thương mại hiệu quả trong chế độ tỷ giá hối đoái cố định

Mô hình CSTM

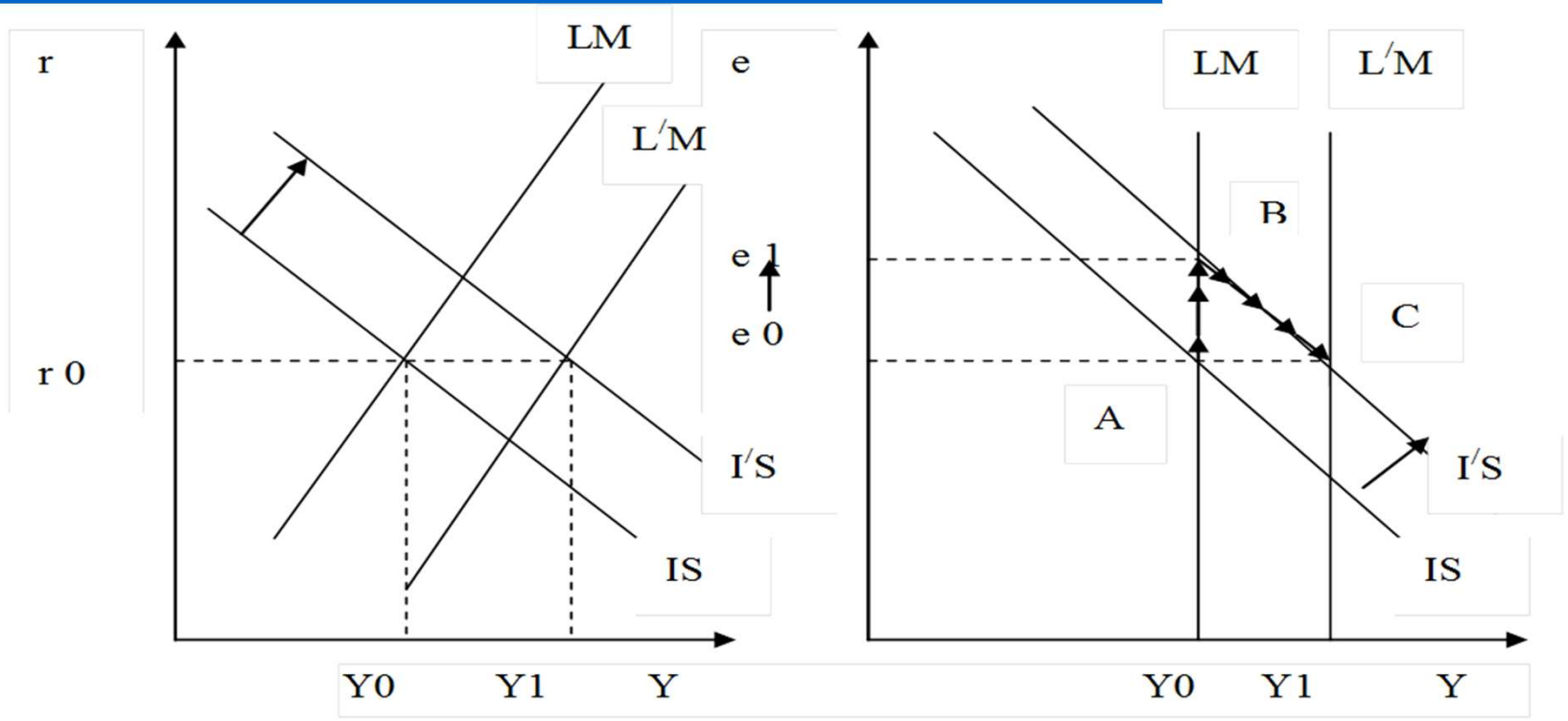

Trong hệ trục Y-r, hạn chế thương mại, tăng NX làm IS dịch phải, tuy nhiên điều này làm e tăng do tăng cầu nội tệ, NHTW bán nội tệ để giữ tỷ giá, LM dịch sang phải, sản lượng tăng

Trong hệ trục Y-e, đường IS dịch sang phải, e tăng, NHTW bán nội tệ LM dịch phải e về lại e_0 sản lượng tăng lên Y_1

Chương 6: Chính sách ổn định

Mục tiêu của chương: Nhằm trả lời hai câu hỏi

1. Chính sách nên chủ động hay bị động?
2. Chính sách nên được thực hiện theo quy tắc nhất định hay tùy nghi?

Câu hỏi 1

Chính sách nên chủ động hay bị động?

Lập luận ủng hộ chính sách chủ động

- Mô hình tổng cung tổng cầu chỉ ra rằng các nhà hoạch định chính sách có thể thay đổi tổng cầu để ổn định nền kinh tế

- Những cuộc suy thoái kinh tế làm cho hàng triệu người bị thất nghiệp cuộc sống khó khăn

- Tạo ra công ăn việc làm và ổn định nền kinh tế là trách nhiệm của chính phủ

Lập luận phản đối chính sách chủ động

- **Độ trễ kéo dài và dễ thay đổi**

Độ trễ trong: + cần có thời gian để nhận thức và hành động cần thiết nhằm đối phó với các cú sốc

+ Cần có thời gian để thực hiện chính sách đặc biệt là chính sách tài khóa

Độ trễ ngoài: cần phải có thời gian để chính sách ảnh hưởng đến nền kinh tế đặc biệt là chính sách tiền tệ

Nếu tình hình đã thay đổi trước khi tác động của các chính sách được phát huy thì chính sách có thể làm mất ổn định nền kinh tế

- **Các nhân tố ổn định tự động**

Các nhân tố này có thể giúp tự động ổn định nền kinh tế mà không cần hành động của các nhà hoạch định

Ví dụ về cơ chế tự ổn định:

+ Thuế lũy tiến

+ Bảo hiểm thất nghiệp

+ Phúc lợi

- **Dự đoán kinh tế là một công việc khó khăn**

Các nhà hoạch định phải dự báo được tình hình kinh tế trong tương lai do sự chậm trễ trong hoạch định và phát huy tác động của các chính sách ổn định

Rất khó để dự báo chính xác do có nhiều các yếu tố tác động

⇒Đây cũng là lý do một số nhà kinh tế phản đối chính sách chủ động

Rất khó để trả lời chính xác chính sách nên chủ động hay bị động

Câu hỏi 2

Chính sách nên được thực hiện theo quy tắc hay tùy ý?

Quy tắc và tùy ý?

- *Thực hiện chính sách theo quy tắc*: Các nhà hoạch định chính sách cam kết trước về cách thức phản ứng của một số chính sách trong các bối cảnh khác nhau
- *Chính sách tùy ý*: Các nhà hoạch định chính sách được tự do phản ứng trước các điều kiện kinh tế thay đổi

Quy tắc cho chính sách tài khóa

- Thứ nhất, Thâm hụt và thăng dư ngân sách xuất hiện một phần là do sự hoạt động của các nhân tố tự ổn định
- Thứ hai, Thâm hụt hay thặng dư ngân sách cho phép chính phủ điều hòa thuế suất theo thời gian, và cho phép Chính phủ tránh thay đổi thuế suất nhiều từ năm này sang năm khác.
- Thứ ba, thâm hụt ngân sách có thể được sử dụng để chuyển gánh nặng về thuế trong hiện tại cho các thế hệ trong tương lai.

Lập luận ủng hộ chính sách theo quy tắc

1. Sự mất lòng tin vào các nhà hoạch định chính sách và diễn biến chính trị

+ các nhà hoạch định chính sách không có đầy đủ thông tin

+ Lợi ích của nhà chính trị đôi khi không giống với lợi ích xã hôi

2. Tính bất nhất trong chính sách tùy nghi

Các nhà hoạch định chính sách có thể đi ngược lại những điều họ đã cam kết và công bố

Các quy tắc cho chính sách tiền tệ

- Thứ nhất, *tốc độ tăng ứng cung tiền cần phải giữ cố định*. Nếu tốc độ chu chuyển của tiền không đổi, thì sự tăng trưởng cố định của cung tiền sẽ hạn chế sản lượng biến động.
- Thứ hai, *là đặt mục tiêu cho GDP danh nghĩa*. Nếu GDP danh nghĩa thấp hơn mục tiêu, thì ngân hàng trung ương có thể tăng cung ứng tiền tệ để kích cầu. Chính sách tiền tệ điều chỉnh theo những thay đổi của tốc độ chu chuyển tiền tệ.
- Thứ ba, *đặt mục tiêu cho mức giá*. Ngân hàng trung ương thông báo mục tiêu và mức giá và điều chỉnh cung ứng tiền tệ khi mức giá thực tế khác mức giá mục tiêu mà mà ngân hàng trung ương đặt ra

CHƯƠNG 7: NỢ CHÍNH PHỦ

- **Các vấn đề trong đo lường thâm hụt**:
  + Lạm phát
  + Sự thay đổi tài sản
  + Các khoản nợ không được tính
  + Chu kỳ kinh doanh

Lạm phát

- ■ Để biết tại sao lạm phát lại là một vấn đề, giả sử rằng khoản nợ thực tế là cố định, điều này hàm ý thâm hụt thực tế bằng 0 (thâm hụt = sự thay đổi của nợ – chính phủ bù đắp thâm hụt bằng nợ).
- ■ Trong trường hợp này, khoản nợ danh nghĩa D tăng với tốc độ lạm phát:
- $\Delta D/D = \pi$ hay $\Delta D = \pi D$
- ■ Khoản thâm hụt (danh nghĩa) được báo cáo là πD mặc dù khoản thâm hụt thực tế là bằng 0.
- ■ Do vây, chúng ta nên trừ πD từ khoản thâm hụt được báo cáo để điều chỉnh theo lạm phát.

Lạm phát

■ Điều chỉnh thâm hụt theo lạm phát có thể dẫn đến một sự khác biệt lớn, đặc biệt khi lạm phát cao.

■ Ví dụ: Thâm hụt danh nghĩa = $28 tỷ, lạm phát = 8,6%, nợ = $495 tỷ

ΔD = 0,086 X $495 tỷ = $43 tỷ

Do đó thâm hụt thực tế = $28 tỷ - $43 tỷ = - $15 tỷ (thặng dư 15 tỷ)

Sự thay đổi tài sản

- Sự thay đổi tài sản của chính phủ không được thể hiện trong khoản nợ. Ví dụ chính phủ bán tài sản để trả nợ, thâm hụt sẽ giảm xuống nhưng tài sản của chính phủ giảm không được phản ánh.
- Hoặc chính phủ vay nợ để xây dựng cơ sở hạ tầng làm tăng nợ nhưng lại làm tăng tài sản

-> Nên tính đến sự thay đổi tài sản chính phủ, tuy nhiên khó xác định chính xác cái nào thực sự làm thay đổi tài sản

Các khoản nợ không được tính

Thước đo hiện nay về thâm hụt bỏ qua các khoản nợ quan trọng của chính phủ:

- Chi trả lương hưu trong tương lai cho các lao động làm việc cho chính phủ hiện nay
- Chi trả an sinh xã hội trong tương lai
- Các khoản nợ ngẫu nhiên tức khoản nợ chỉ phát sinh khi có biến cố xảy ra như bảo hiểm các khoản vay, tín dụng sinh viên, tín dụng các doanh nghiệp (mặc dù khó tính bằng tiền khi kết cục không chắc chắn)

Chu kỳ kinh doanh

Thâm hụt thay đổi theo chu kỳ kinh doanh do các nhân tố ổn định tự động (bảo hiểm thất nghiệp, hệ thống thuế thu nhập). Điều này làm cho việc đánh giá chính sách tài khoá trở nên khó khăn hơn.

Ví dụ: Trong thời kỳ suy thoái ngân sách thường thâm hụt do tăng chi tiêu chính phủ, tuy nhiên việc thâm hụt ngân sách trong giai đoạn này là cần thiết

=> Thâm hụt ngân sách được điều chỉnh theo tính chu kỳ (hay còn gọi Là "thâm hụt tại mức toàn dụng") - dựa trên những ước tính về tổng chi & tổng thu chính phủ nếu nền kinh tế ở mức sản lượng & và thất nghiệp tự nhiên.

Quan điểm truyền thống về nợ chính phủ

- Trong ngắn hạn: tăng thâm hụt (do giảm thuế hoặc tăng chi tiêu chính phủ) làm tăng tổng cầu IS dịch phải -> lãi suất tăng, thu nhập tăng

Trong dài hạn: r↑→ I ↓

r↑→ dòng vốn vào -> e↑ -> NX ↓

Quan điểm của Ricardo về nợ chính phủ

Quan điểm này gọi là tương đương Ricardo vì được đưa ra bởi David Ricardo (1820) và được phát triển bởi Robert Barro

■ Theo Tương đương Ricardo;

- Việc cắt giảm thuế được tài trợ bằng một khoản nợ không có ảnh hưởng gì đến tiêu dùng, tiết kiệm quốc gia, và lãi suất thực, đầu tư, xuất khẩu ròng, hay GDP thực tế, ngay cả trong ngắn hạn.

Lập luận tương đương Ricardo

- Người tiêu dùng nhìn về tương lai,

họ biết rằng việc cắt giảm thuế được tài trợ bằng nợ hôm nay hàm ý một sự gia tăng thuế trong tương lai có độ lớn theo giá trị hiện tại bằng với với lượng thuế cắt giảm.

- Do vậy, cắt giảm thuế không làm tăng tiêu dùng.
- Họ tiết kiệm toàn bộ lượng thuế cắt giảm để trả thuế trong tương lai.
- Kết quả: Tiết kiệm cá nhân tăng bằng với khoản tiết kiệm chính phủ giảm, do vậy tiết kiệm quốc gia không đổi.

Phản đối tương đương Ricardo

■ Tầm nhìn ngắn:

Không phải mọi người tiêu dùng đều nghĩ xa về tương lai,

do vậy họ có thể coi sự cắt giảm thuế là của trời cho.

■ Ràng buộc vay nợ:

Một số người tiêu dùng không có khả năng đi vay đủ nhiều để đạt được mức tiêu dùng tối ưu của họ, và do vậy sẽ chi tiêu khoản thuế được cắt giảm.

■ Các thế hệ tương lai:

Nếu người tiêu dùng dự kiến rằng gánh nặng trả thuế sẽ rơi vào các thế hệ tương lai, thì việc cắt giảm thuế hiện nay sẽ làm cho họ giàu có hơn, do vậy họ tăng chi tiêu.

Kết luận

- Các nhà kinh tế vẫn sẽ còn tranh luận, việc ủng hộ quan điểm nào còn phụ thuộc vào quan điểm về hành vi của người tiêu dùng.